

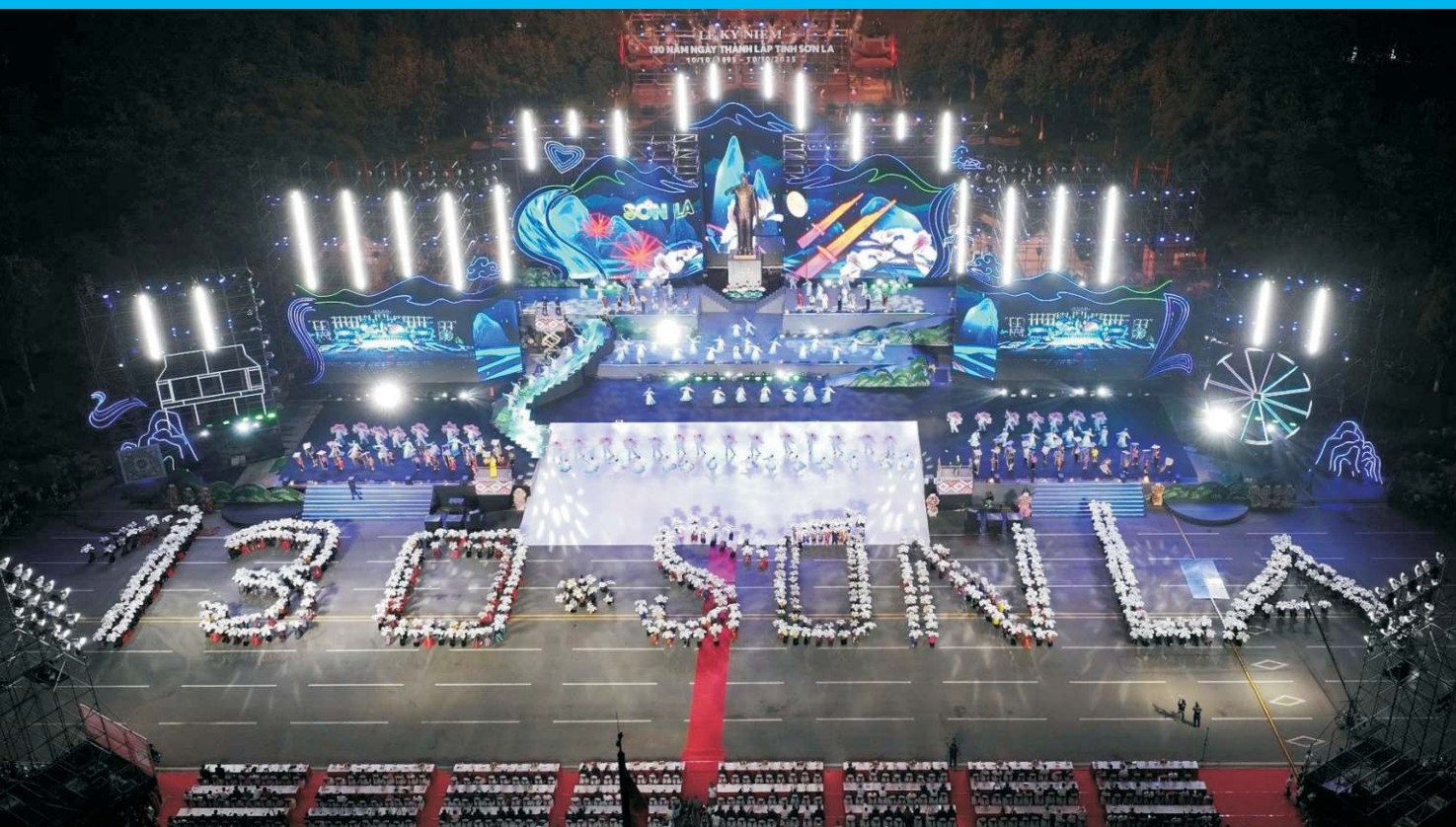


**BẢN TIN SỐ 58
NĂM 2025**

BẢN TIN

TRÍ THỨC VỚI KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT SƠN LA



- **TỈNH SƠN LA 130 NĂM, THÀNH TỰU VÀ TẦM VÓC.**
- **CHIẾN LƯỢC ĐỘT PHÁ TFP: ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KINH NGHIỆM THỰC TIỄN, GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH SƠN LA LẦN THỨ XVI.**
- **PHÁT TRIỂN CÂY CÀ PHÊ SƠN LA: NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM.**
- **THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA TỈNH SƠN LA QUA THỰC TIỄN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG.**
- **CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA: MỘT SỐ KẾT QUẢ VÀ GIẢI PHÁP.**
- **KHI "KINH NGHIỆM SỐ" ĐỊNH HÌNH NĂNG LỰC SỐ: CÂU CHUYỆN TỪ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC.**
- **KHOA HỌC VÀ BẢN SẮC HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SƠN LA.**
- **LAN TOẢ TRI THỨC VÀ VĂN HOÁ CHIA SẺ QUA MÔ HÌNH KHU VỰC CHO VÀ NHẬN: TIỀM NĂNG TRIỂN KHAI ÁP DỤNG TẠI TỈNH SƠN LA.**



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT SƠN LA

Bản tin Trí thức với Khoa học & Công nghệ là cơ quan ngôn luận của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Sơn La, là diễn đàn của giới trí thức Khoa học công nghệ Sơn La. Ấn phẩm được phát hành trên Website <http://www.susta.vn>.

- Địa chỉ: Số 56A - Đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La

- Điện thoại: 0212.3858268

- Email: lienhiephoissonla@gmail.com

SON LA UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS (SUSTA)

Knowledge with Science & Technology Bulletin is the official organ of Son La Union of Science and Engineering Associations, a forum of Son La science and technology intellectuals. The publication is posted on the website <http://www.susta.vn>.

- Address: No. 56A - Lo Van Gia Road

(To Hieu Ward) - Son La Province.

- Phone: 0212.3858268

- Email: lienhiephoissonla@gmail.com

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PHẠM THỊ HÀ
Chủ tịch Liên hiệp hội Sơn La

BAN BIÊN TẬP
Vũ Thị Minh Nguyệt
Nguyễn Minh Đức
Trần Tuấn Đạt
Nguyễn Hữu Đức
Phan Hải Thành
Nguyễn Thị Hà

BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Trần Tuấn Đạt

SỬA BẢN IN
Vũ Thị Minh Nguyệt

Chế bản điện tử tại Công ty TNHH TM & DV Châu Ngọc. Địa chỉ: PG2-12 Vincom, Tổ 3 Quyết Thắng, Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

BẢN TIN

TRÍ THỨC VỚI KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT SƠN LA

NỘI DUNG

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

- Tỉnh Sơn La 130 năm, thành tựu và tầm vóc. 1
- Chiến lược đột phá TFP: Đề xuất mô hình ứng dụng kinh nghiệm thực tiễn, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI. 6
- Phát triển cây cà phê Sơn La: nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm. 10
- Thực trạng và những vấn đề đặt ra về phát triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Sơn La qua thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. 16
- Chuyển đổi số tỉnh Sơn La: Một số kết quả và giải pháp. 25
- Khi “kinh nghiệm số” định hình năng lực số: Câu chuyện từ sinh viên Trường Đại học Tây Bắc. 29
- Khoa học và bản sắc Hướng phát triển bền vững của Sơn La. 32
- Lan tỏa tri thức và văn hoá chia sẻ qua mô hình khu vực cho và nhận: Tiềm năng triển khai áp dụng tại tỉnh Sơn La. 35

Chú thích ảnh trang bìa 1:

Lễ kỷ niệm 130 năm Ngày thành lập tỉnh Sơn La (10/10/1895-10/10/2025). Ảnh: Trung Hiếu



TỈNH SƠN LA 130 NĂM - THÀNH TỰU VÀ TẦM VÓC

Tỉnh Sơn La thành lập ngày 10/10/1895 dưới thời Pháp thuộc, với tên Vạn Bú, năm 1904 đổi thành Sơn La, đến ngày 10/10/2025 là tròn 130 năm. Trong 130 năm, Sơn La đã cùng cả nước trải qua bao thăng trầm, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Ngày 26/8/1945 khởi nghĩa giành chính quyền thành công ở Sơn La, đánh dấu việc nhân dân các dân tộc Sơn La hoàn toàn được giải phóng. Sự kiện này đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp và chế độ phong kiến, đưa nhân dân Sơn La bước vào cuộc sống mới trong độc lập và tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong kháng chiến chống Mỹ, cũng như nhiều nơi khác ở miền Bắc, Thị xã Sơn La và Mộc Châu là 2 địa bàn quan trọng nhất của tỉnh về kinh tế và văn hóa, đã bị giặc Mỹ ném bom bắn phá với mức độ hủy diệt. Thực tế, thời gian hòa bình, tập trung phát triển kinh tế xã hội mới có 50 năm. Riêng thời gian đổi mới, chuyển sang nền kinh tế thị trường đa thành phần theo định hướng XHCN, mới có 39 năm (Từ năm 1986). Với bối cảnh như vậy, mới thấy sự thay đổi của Sơn La về diện mạo và tầm vóc thực sự ấn tượng.

Với diện tích 14.109 km², Sơn La là một tỉnh lớn, trước và sau sáp nhập tỉnh, vẫn đứng đầu vùng Tây Bắc và Miền núi phía Bắc, còn vị trí trong cả nước thay đổi từ thứ 3/63 thành thứ 6/34. Dân số lúc đầu chưa đến 4 vạn, nay đã tăng lên hơn 1,4 triệu người, tỷ lệ trong cả nước tăng từ 0,3% lên 1,4%; thứ hạng trong cả nước trước và sau sáp nhập thay đổi từ 29/63

Với diện tích 14.109 km², Sơn La là một tỉnh lớn, trước và sau sáp nhập tỉnh vẫn đứng đầu vùng Tây Bắc và miền núi phía Bắc, còn vị trí trong cả nước thay đổi từ thứ 3/63 thành thứ 6/34. Dân số lúc đầu chưa đến 4 vạn, nay đã tăng lên hơn 1,4 triệu người, tỷ lệ trong cả nước tăng từ 03% lên 1,4%, thứ hạng trong cả nước trước và sau sáp nhập thay đổi từ 29/63 thành thứ 30/34. Thứ hạng trong vùng từ thứ 4/14 thành thứ 5/9. Cộng đồng các dân tộc ở Sơn La gồm 12 dân tộc gồm Thái, Kinh, Mông, Mường, Xinh mun, Dao, Khơ mú, La Ha, Kháng, Lào, Tày, Nùng, trong đó dân tộc Thái đông nhất, nhưng đã giảm từ 75% xuống 53%, các dân tộc khác tăng từ 25% lên 47%. Từ chỗ chỉ có người bản địa, quá trình phát triển đã thu hút dân cư của hầu hết các tỉnh miền Bắc tìm đến đây mưu sinh và lập nghiệp, chung tay xây dựng Sơn La, nay đã chiếm trên 17%, đông thứ nhì sau đồng bào dân tộc Thái.

Tỉnh Sơn La vốn phát triển chậm hơn cả nước một hai phương thức sản xuất (hàng mấy trăm năm). Khi cả nước ở giai đoạn cuối của chế độ phong kiến và giai đoạn đầu của công nghiệp và thương mại tư bản thì Sơn La mới ở giai đoạn tiền phong kiến với nền nông nghiệp tự cung tự cấp, nửa sản xuất, nửa săn bắt, hái lượm. Sau 130 năm, nền kinh tế của tỉnh đã trở thành một nền sản xuất hàng hóa, theo hướng công nghiệp, nông nghiệp chỉ còn 23%, công nghiệp tăng lên gần 30%, dịch vụ trên 41%. Quy mô GRDP năm 2024 đạt 76.626 tỷ đồng, đứng thứ 43 cả nước và thứ 4 vùng Trung du miền núi phía Bắc năm



*Tiết mục văn nghệ trong Lễ Kỷ niệm 130 năm
thành lập tỉnh Sơn La*

2025 ước 82,7 tỷ đồng. Thu ngân sách 4,5 ngàn tỷ đồng, năm cao nhất 5,3 ngàn tỷ đồng, đứng thứ 45 cả nước và thứ 6 vùng; vốn đầu tư xã hội gần 20 ngàn tỷ đồng, bằng 26% GRDP, thấp hơn cả nước (32%); giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu cùng cả nước đạt trên 200 triệu USD. Rừng từ chỗ bị tàn phá nghiêm trọng, nay từng bước phục hồi, độ che phủ đã tăng lên gần 49%. Tỷ lệ hộ gia đình đói nghèo trên 70% khi bắt đầu đổi mới nay đã giảm xuống 8%; thu nhập bình quân nhân khẩu toàn tỉnh gần 2,6 triệu đồng/tháng. Hơn 41% xã phường (83/200), đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, có mức thu nhập bình quân đầu người trên 4 triệu đồng/tháng, nhiều hộ đã trở thành tỷ phú.

Tuy nhiều mặt còn thấp so với mặt bằng chung, nhất là về cơ sở hạ tầng và mức sống, nhưng có một số mặt thiết yếu Sơn La cơ bản đã tiến kịp, như về thị trường lương thực, thực phẩm, dược phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, phương tiện giao thông cơ bản, thông tin, internet... Chưa nói đến cách đây 130 năm, mà ngay gần 40 năm trước khi bắt đầu đổi mới, không ai có thể hình dung được hàng ngày có đến ngàn xe lớn nhỏ lưu thông giữa

tỉnh Sơn La với các tỉnh trong cả nước. Khi có đường cao tốc từ Hòa Bình kết nối lên Sơn La thì việc đi lại, giao thương càng thuận lợi và nhanh hơn. Việc thu hút đầu tư và khách du lịch chắc chắn sẽ tăng trưởng mạnh.

Sơn La vốn được biết đến là nơi “khí ho cò gáy”, “ma thiêng nước độc”. Nay được biết bởi các công trình, sự kiện, con số ấn tượng. Đó là công trình thủy điện Sơn La với công suất 2400 MW, lớn nhất cả nước. Góp phần cùng cả nước xây dựng công trình vĩ đại này, tỉnh Sơn La đã di dân tái định cư quy mô lớn nhất trong lịch sử, gồm 12.584 hộ, 58.337 khẩu, chiếm gần 10% dân số lúc đó. Cao nguyên Mộc Châu được mệnh danh là Đà Lạt của miền Bắc, đã trở thành khu du lịch quốc gia có quy mô 205.150 ha, lớn nhất cả nước, được thế giới vinh danh nhiều lần là điểm đến thiên nhiên hàng đầu của châu Á. Khách du lịch đến Sơn La đã tăng lên 5,2 triệu lượt. Sơn La cũng đứng đầu cả nước về quy mô vùng cây ăn quả (85 ngàn ha), đứng đầu vùng cà phê chè arabica, chiếm gần 50% cả nước, đứng thứ 6 vùng Chè Shan tuyết (gần 6.000 ha), đứng thứ 3 cả nước về đàn bò sữa (25.000 con). Cả tỉnh có 18 sản phẩm được bảo hộ mang địa danh địa phương, trong đó có 3 chỉ dẫn địa lý thuộc tài sản quốc gia; có 81 sản phẩm OCOP, trong đó 51 sản phẩm 3 sao, 31 sản phẩm 4 sao và 1 sản phẩm 5 sao cấp quốc gia; có 5 sản phẩm mang thương hiệu quốc gia là Chè, cà phê, nhãn, mật ong, sữa. Sữa tươi, sữa chua Mộc Châu được trao giải thưởng thương hiệu quốc gia nhiều lần. Công ty cổ phần bò sữa sữa Mộc Châu nhiều năm lọt vào top 1.000 doanh nghiệp cả nước đóng góp nhiều nhất cho ngân sách. Sơn La đã có khách sạn 5 sao,



nhà hàng lớn có thiết kế độc đáo được giải thưởng kiến trúc quốc tế. Quảng trường Tây Bắc rộng 24 ha, có tượng đài lớn Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc, có đền thờ Bác, đây cũng là không gian văn hóa lớn vào top 6 của các tỉnh trong cả nước.

Vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, dân Sơn La 99% là mù chữ, tuổi thọ trung bình chỉ dưới 35 tuổi. Nay trình độ dân trí, sức khỏe, tuổi thọ người dân nâng cao vượt bậc. Các trường mầm non, phổ thông đã đạt chuẩn quốc gia 71%. Trên địa bàn tỉnh có trường đại học Tây Bắc là đại học vùng, 02 trường cao đẳng (Sơn La, Y Tế), đào tạo sinh viên trong tỉnh và các tỉnh trong vùng và nước bạn Lào. Từ chỗ trên 99% dân cư mù chữ, nay trình độ giáo dục từ Tiểu học trở lên chiếm 76% (tiểu học 19%, THCS 30,5%, THPT 26,5%). Hàng năm, có hơn 1 vạn tốt nghiệp PTTH và khoảng gần 2 ngàn tốt nghiệp đại học và các trường nghề. Tỉnh vinh dự có thành phố Sơn La (tên gọi trước khi thành lập chính quyền địa phương 2 cấp) là một trong 5 thành phố cả nước được UNESCO vinh danh là Thành phố học tập toàn cầu. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật đạt 30%, trong đó từ đại học trở lên gần 7%, tương ứng hơn 6 vạn. Toàn tỉnh (kể cả đơn vị trung ương trên địa bàn) đã có trên 200 tiến sĩ, 6 phó giáo sư, gần 2.100 thạc sĩ, 500 bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II. Toàn tỉnh đã đạt 9 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân, tỷ lệ phủ sóng bảo hiểm y tế 97%. Tuổi thọ trung bình dân cư đã tăng lên 73,38, đứng thứ 4 vùng TDM-NPB, thứ 48 cả nước. Đặc biệt, không ngừng phát triển con người (HDI) của tỉnh đã vươn lên top cao, đạt 0,75, ngang bằng cả

nước, đứng thứ nhì vùng, thứ 14 cả nước.

Sức thu hút của Tây Bắc, Sơn La là bản sắc văn hóa đa dạng của các dân tộc về lễ hội, phong tục, trang phục, ẩm thực... Dân tộc Thái, dân tộc Mông, Dân tộc Mường, dân tộc Dao nơi đây có chữ viết cổ. Điển hình là dân tộc Thái có các bộ sách cổ rất đồ sộ. Tỉnh Sơn La đứng đầu cả nước với gần 3.000 đội văn nghệ cơ sở, trong đó có nhiều đội đạt trình độ đi biểu diễn khắp các tỉnh. Tỉnh có 3 Nghệ sĩ nhân dân, 27 Nghệ sĩ ưu tú, 2 Nghệ nhân nhân dân, 36 Nghệ nhân ưu tú. Một điểm nhấn khác là Lễ hội văn hóa Mộc Châu đã phát triển thành lễ hội lớn tầm quốc gia, quốc tế, có thương hiệu, được tổ chức thường niên vào dịp quốc khánh 2/9. Lễ hội còn được gọi là chợ tình. Chợ tình thật nhân văn, ai chưa có đôi thì đi tìm, ai đã có chồng, có vợ rồi vẫn có thể đi tìm gặp người xưa để hỏi han, chia sẻ. Lễ hội thu hút hàng chục vạn khách trong tỉnh, trong nước và một số nước trong khu vực (Lào, Thái Lan, Trung Quốc) đến giao lưu, trải nghiệm. Sơn La đó có 10 di sản văn hóa được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 1 di sản thế giới; 2 di tích vật thể cấp quốc gia đặc biệt là nhà tù Sơn La và Di tích Văn bia Quế lâm Ngự chế - Đền thờ Vua Lê Thái Tông; 16 di tích cấp quốc gia khác, trong đó có Di tích lịch sử Trung đoàn Tây Tiến và Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi bất tử. Phải nói là 2 di sản nổi tiếng nhất là nhà tù Sơn La và điệu xòe Thái Tây Bắc. Điệu xòe Thái Tây Bắc (mà đại diện là 4 tỉnh Sơn La, Yên Bái, Điện Biên, Lai châu) được UNESCO vinh danh là di sản phi vật thể nhân loại. Người Thái quan niệm, “Không Xòe thì hoa không nở, không Xòe thì người không vui, không Xòe thì trai



gái không thành đôi, không Xòe thì lúa, ngô không thành bắp”. Vũ điệu đoàn kết do tác giả Tòng Thị Phóng, nguyên ủy viên Bộ Chính Trị, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Sơn La biên soạn có sức lan tỏa, phổ biến trong cả nước, đã lấy xòe Thái làm nền, kết hợp, giao thoa với nhiều điệu múa của các dân tộc khác. Di sản vật thể là nhà tù Sơn La là di tích cách mạng cấp quốc gia đặc biệt. Đây vừa là chứng tích lịch sử về tội ác của thực dân Pháp, vừa là chứng tích lịch sử về tinh thần, ý chí cách mạng kiên cường, bất khuất của các chiến sĩ cộng sản, nơi rèn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng, nhiều đồng chí về sau đã trở thành lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước; nơi ra đời chi bộ đảng đầu tiên để phát triển thành Đảng bộ Sơn La lớn mạnh với gần 9 vạn đảng viên như ngày hôm nay. Nhà tù Sơn La cũng là nơi giáo dục truyền thống, truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ. Di tích đã trở thành điểm đến không thể bỏ qua của du khách trong tỉnh và cả nước.

Sơn La, Tây Bắc còn có sức thu hút của huyền thoại các sơn nữ tấm tiên, làm cho báo chí, nhiếp ảnh gia và dân phượt săn lùng chụp và quay được nhiều cảnh đẹp, lãng mạn. Mảnh đất này cũng đã đi vào thơ ca, tạo nên những tác phẩm nổi tiếng, như trường ca Sống chụm xôen xao (tiền dân người yêu), các bài hát Inh lả ời, Tình ca Tây Bắc, Chiếc khăn Piêu, truyện và phim vợ chồng A Phủ... Trong danh sách 100 bài thơ được vinh danh hay nhất thế kỷ 20 của Việt Nam, có 4 bài thơ về non nước và con người Tây Bắc, Sơn La đó là các bài Tây tiến, Núi Mường Hung, Dòng sông Mã, Nhớ vợ, Em Tắm. Nhân dịp kỷ niệm 130 năm thành lập

tỉnh, các nghệ sĩ trung ương và địa phương đã trình diễn tác phẩm Sống chụm xôen xao dưới hình thức nghệ thuật sắp đặt tại quảng trường Tây Bắc.

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong 10 năm gần đây, học sinh Sơn La đạt 2 huy chương vàng (HCV), 25 huy chương bạc (HCB), 45 huy chương đồng (HCD) thi học sinh giỏi quốc gia và 2 HCV Olympic quốc tế. Có 1 học sinh dẫn đầu thi quý và thứ nhì chung kết năm đường lên đỉnh Olympia. Người Sơn La đã có 12 đơn đăng ký sáng chế, được cấp 2 bằng độc quyền sáng chế, 5 công trình được ghi danh vào sách vàng sáng tạo KH&CN Việt Nam, 5 người được vinh danh là Nhà khoa học của nhà nông, 3 người được trao giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Đã được trao 21 HCV, 35 HCB tại các liên hoan văn nghệ quần chúng toàn quốc, 5 HCV, 8 HCB, 2 HCD và nhiều giải khác tại liên hoan ca múa nhạc toàn quốc; 1HCV, 2HCB liên hoan ca múa nhạc quốc tế (các nước Đông dương và khối Asean). Đã có 342 vận động viên đạt đẳng cấp kiện tướng và cấp 1, 04 vận động viên tham gia đội tuyển quốc gia, 05 vận động viên tham gia đội tuyển trẻ toàn quốc. Riêng từ năm 2020 trở lại đây, đã đạt 519 huy chương các loại, trong đó có 137 HCV, 141 HCB và 241 HCD; tiêu biểu là 03 HCV SEA Games, 01 HCV, 01 HCB Vô địch thế giới; 01 HCV Vô địch châu Á; 01 VĐV phá Kỷ lục SEA Games; 1 vận động viên 4 lần HCV thế giới.

Tỉnh Sơn La vươn tới thành tựu và tầm vóc như vậy là kết quả của sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, quân và dân trong tỉnh và sự lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư lớn, có hiệu quả của Trung



ương, sự giúp đỡ, hợp tác của nhiều tỉnh và đồng bào cả nước. Trong lịch sử, quân và dân tỉnh Sơn La đã đóng góp sức người, sức của, hy sinh nhiều xương máu cùng cả nước đánh thắng thực dân Pháp, đặc biệt là ở cứ điểm Nà Sản và chiến dịch Điện biên Phủ oai hùng, để lại 2 di tích lịch sử bất tử. Trong kháng chiến chống Mỹ, toàn tỉnh có 10.949 thanh niên nhập ngũ đi chiến đấu, chủ yếu là hai chiến trường B và C, đồng thời quân và dân cũng đóng góp bắn rơi 31 máy bay giặc Mỹ. Sơn La bảo đảm 250 km đường biên giới Việt- Lào hòa bình, hữu nghị, hợp tác hai bên. Trong quá trình phát triển, Sơn La đã thực hiện di dân tái định cư lớn nhất trong lịch sử để phục vụ xây dựng thủy điện Sơn La. Ngày nay, tỉnh không những đóng góp nguồn hàng lớn phục vụ xuất khẩu cả nước, mà còn đóng góp hàng vạn lao động cho các khu công nghiệp ở đồng bằng, hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp đại học, hàng trăm thạc sĩ, hàng chục tiến sĩ cho cả nước. Về cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, Sơn La có 01 ủy viên Bộ Chính trị, 02 ủy viên Trung ương Đảng, 2 Phó chủ tịch Quốc hội, nhiều cán bộ cấp bộ và tương đương.

Ghi nhận những thành tích của Đảng bộ, quân và dân Sơn La, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: 33 đơn vị và 14 cá nhân được phong tặng anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân; 121 bà mẹ được phong tặng “Mẹ Việt Nam anh hùng”, 04 tập thể, 11 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động; 26 tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân chương Độc lập các hạng; 938 tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng; 54.100 cá nhân được tặng thưởng Huân, Huy chương

Kháng chiến; Đảng bộ tỉnh, chính quyền và Nhân dân các dân tộc được tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Nhất, Huân chương độc lập Hạng Nhì, Cờ luân lưu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quân và dân Sơn La được Nhà nước cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào trao tặng Huân chương Itxala cao quý nhất và Huân chương lao động.

Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh đã xác định mục tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ 2025-2030 là xây dựng tỉnh Sơn La thành tỉnh phát triển khá, trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng Tây Bắc và Miền núi phía Bắc, trọng điểm du lịch của vùng Tây Bắc và Miền núi phía Bắc và vùng biên giới Việt Lào. Đây là mục tiêu chiến lược về tầm vóc và thứ hạng thể hiện sự khát vọng tiếp tục vươn lên trong giai đoạn mới. Rất nhiều vấn đề đặt ra phải giải quyết. Đó là tăng tỷ lệ đầu tư vốn/GRDP, tăng mật độ và quy mô doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả đào tạo, thu hút và trọng dụng, giữ chân người tài, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế cải thiện mạnh về thứ hạng GRDP bình quân đầu người và tỷ lệ cân đối ngân sách. Các chỉ số này hiện đang thấp so với mặt bằng chung, nhất là sau khi sáp nhập còn 34 tỉnh. Khâu quyết định là nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức, bộ máy sau sáp nhập, đẩy nhanh tốc độ triển khai, sớm hoàn thành cao tốc nối hòa Bình với Sơn La, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh./.

Phan Đức Ngữ

(Nguồn Báo cáo Chính trị đại hội 16 đảng bộ tỉnh, Diễn văn kỷ niệm 130 thành lập tỉnh, báo chí, internet)



CHIẾN LƯỢC ĐỘT PHÁ TFP: ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KINH NGHIỆM THỰC TIỄN, GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH SƠN LA LẦN THỨ XVI

TS. Hoàng Xuân Trọng

Trưởng khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Nghiên cứu này thực hiện việc phân tích lộ trình chiến lược, đề xuất các giải pháp góp phần để Sơn La đạt được mục tiêu GRDP bình quân 8%-8,5%/năm (giai đoạn 2025-2030) [1] và định hướng tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tiếp sau. Về mặt lý luận, nghiên cứu sử dụng lý thuyết tăng trưởng nội sinh và lý thuyết cú hích lớn, gợi mở rằng việc tăng cường nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) là phương án tối ưu để đạt được sự đột phá này, được minh họa bằng mô hình vòng xoáy đột phá. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu xem xét cẩn trọng kinh nghiệm từ bốn khu vực đã đạt tốc độ tăng trưởng cao (8% - 16%) nhờ vào TFP: Bắc Giang (đột phá công nghiệp, 2021-2023), Trùng Khánh (vượt núi bằng hạ tầng lớn, trước 2019), và Bình Dương (hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, 2017-2021). Luận điểm chính là Sơn La nên vận dụng sáng tạo những mô hình này vào việc thực thi ba khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội XVI, với sự hỗ trợ của đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) [2]) và phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68-NQ/TW (04/5/2025) [3]) như những động lực TFP chủ yếu.

1. Giới thiệu

Tỉnh Sơn La đang đứng trước một giai đoạn chuyển mình đầy tiềm năng, với mong muốn

kiến tạo động lực tăng trưởng mới nhằm hiện thực hóa khát vọng trở thành "trung tâm kinh tế - xã hội của tiểu vùng Tây Bắc" [1]. Để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân 8%-8,5%/năm trong nhiệm kỳ 2025-2030 và xa hơn là định hướng tới tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn sau, Sơn La nên xem xét kỹ lưỡng việc chuyển dịch mô hình tăng trưởng, không chỉ dựa vào vốn hay lao động mà còn dựa trên hiệu suất và công nghệ. Chiến lược này có lẽ sẽ được thực hiện tốt nhất trong khuôn khổ thể chế linh hoạt (mô hình chính quyền 2 cấp [7]), cùng với sự hỗ trợ và triển khai các chủ trương lớn của Trung ương: Nghị quyết số 57-NQ/TW (ngày 22/12/2024) về phát triển KH&CN và chuyển đổi số [2], và Nghị quyết số 68-NQ/TW (ngày 04/5/2025) về vai trò động lực của kinh tế tư nhân [3].

2. Cơ sở lý luận về tăng trưởng đột phá

2.1. Lý thuyết tăng trưởng nội sinh và TFP

Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh (Romer, 1990) [4], tốc độ tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế được quyết định bởi vốn con người và đổi mới công nghệ, dẫn đến sự gia tăng nhân tố năng suất tổng hợp (TFP). Tăng trưởng kinh tế (Y) được biểu diễn qua phương trình Cobb-Douglas:

$$Y = A \cdot K^{\alpha} \cdot L^{\beta} \quad (\alpha + \beta < 1)$$

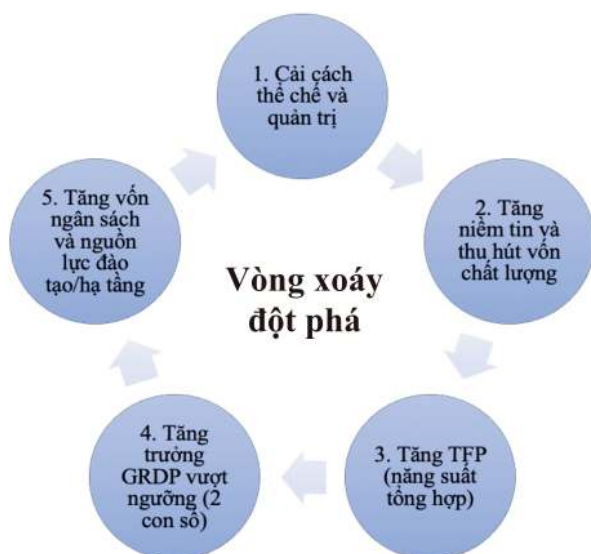
Trong đó, K là vốn, L là lao động, và A chính là TFP - nhân tố then chốt cho sự đột phá, gồm tiến bộ công nghệ, hiệu quả quản lý, đổi mới tổ chức và cải cách thể chế, chất lượng vốn con người.

Để Sơn La chuyển từ tăng trưởng ổn định truyền thống sang tăng trưởng cao và tăng trưởng hai con số, sự đóng góp của A nên được ưu tiên vượt trội. Điều này gợi ý rằng Tỉnh nên thực hiện việc triển khai triệt để phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo (thực thi NQ 57) để tăng tốc nhân tố A.

2.2. Lý thuyết cú hích lớn và vòng xoáy đột phá

Để một nền kinh tế vượt qua ngưỡng tăng trưởng truyền thống, lý thuyết cú hích lớn (Big Push) [5, 6] gợi ý về sự cần thiết của đầu tư đồng bộ, quy mô lớn vào hạ tầng và công nghệ, trùng khớp với định hướng ba khâu đột phá của Tỉnh.

Khi chính quyền thực hiện cải cách thể chế một cách quyết liệt (giảm chi phí tuân thủ, tăng minh bạch) theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW [3], sẽ tạo ra vòng xoáy đột phá (Virtuous Circle) [7, 8] (minh họa hình bên).



Trong vòng xoáy này, niềm tin của khu vực tư nhân được củng cố, thúc đẩy đầu tư tư nhân, từ đó chuyển hóa thành năng suất và tăng trưởng cao hơn, dẫn đến tăng trưởng GRDP vượt ngưỡng, dẫn đến tăng vốn ngân sách và tái đầu tư vào cải cách thể chế và quản trị (lặp lại vòng xoáy cao hơn).

3. Kinh nghiệm đột phá tăng trưởng cao và vận dụng sáng tạo

Để đạt và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số, cần xem xét cẩn trọng kinh nghiệm từ các mô hình đã thành công trong việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế theo chiều rộng sang mô hình kinh tế phát triển theo chiều sâu dựa trên TFP và công nghệ.

3.1. Vận dụng bài học Bắc Giang và Trùng Khánh: Đột phá TFP và hạ tầng

Kinh nghiệm từ Bắc Giang [13] (tăng trưởng 13%-16%) cho thấy, một tỉnh có xuất phát điểm nông nghiệp có thể nhanh chóng đạt mức tăng trưởng hai con số nếu thực hiện cú hích lớn về công nghiệp và tạo cơ chế vượt trội để thu hút FDI chất lượng cao. Với Sơn La nên phát triển các khu chế biến (Mai Sơn, Mộc Châu) thành vùng công nghiệp thâm dụng công nghệ thông qua sự kết hợp giữa Nghị quyết số 68-NQ/TW [3] (cơ chế thu hút) và Nghị quyết số 57-NQ/TW [2] (yêu cầu về công nghệ).

Bài học từ Trùng Khánh [14] (tăng trưởng 10%-12%) củng cố tính tất yếu của việc sử dụng đầu tư công lớn để khắc phục hạn chế địa lý. Sơn La cần coi dự án Cao tốc CT03 (Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên) là một phần của chiến lược TFP (giảm chi phí vận chuyển, tăng hiệu suất logistics), đồng thời lồng ghép với việc xây dựng hạ tầng số 5G/6G để vượt núi bằng dữ liệu.



Mô hình	Giai đoạn	Tốc độ tăng trưởng GRDP	Bài học vận dụng cho Sơn La
Bắc Giang (Việt Nam)	2021-2023	Duy trì 13% - 16% [13]	Đột phá công nghiệp & FDI: Tạo cơ chế vượt trội để thu hút các dự án FDI/tư nhân thâm dụng công nghệ vào chế biến sâu, học tập sự linh hoạt thể chế.
Trùng Khánh (Trung Quốc)	Trước 2019	Duy trì 10% - 12% [14]	Cú hích hạ tầng & vượt núi bằng công nghệ: Dùng đầu tư công lớn để khắc phục hạn chế địa lý và logistics.
Bình Dương (Việt Nam)	2017-2021	Duy trì 8% - 10% [15]	Phát triển doanh nghiệp KH&CN: Tập trung xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thu hút FDI chất lượng cao để tăng TFP trong ngành chế biến và dịch vụ.
Lào Cai (Việt Nam)	Giai đoạn 2016-2020	Duy trì 8% -9.5% [12]	Tối đa hóa vị trí cửa ngõ: Xây dựng cơ chế đặc thù cho biên mậu và tích hợp du lịch-nông nghiệp công nghệ cao.

3.2. Vận dụng bài học Bình Dương và Lào Cai: Phát triển doanh nghiệp KH&CN, tối đa hoá vị trí cửa ngõ

Kinh nghiệm của Bình Dương [15] (tăng trưởng 8% - 10%) là minh chứng cho sự thành công của chiến lược chuyển đổi mô hình tăng trưởng thông qua việc thu hút FDI công nghệ cao và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Sơn La cần tập trung nguồn lực (vốn và nhân lực) vào việc hỗ trợ thành lập và phát triển các doanh nghiệp KH&CN trong lĩnh vực chế biến, nông nghiệp thông minh và du lịch số (thực thi NQ 57 [2]). Học tập và vận dụng bài học của Lào Cai trong việc tối đa hóa vị trí cửa ngõ cửa khẩu quốc tế, xây dựng cơ chế đặc thù cho biên mậu và tích hợp du lịch-nông nghiệp công nghệ cao tại Mộc Châu, Mai Sơn.

4. Đề xuất giải pháp chiến lược đạt mục tiêu 2025-2030 và hướng tới hai con số

Để chuyển từ mục tiêu tăng trưởng ổn định truyền thống giai đoạn 2020-2025 sang mục tiêu tăng trưởng 8%-8,5% và sang tầm nhìn hai con số, cần thực hiện các giải pháp mang tính đột phá thể chế và công nghệ nhằm tạo ra sự bùng nổ TFP.

4.1. Thể chế kiến tạo và quản trị vượt trội (kích hoạt NQ 68)

Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW [3] bằng cách tạo ra sự đột phá về thể chế. Điều này bao gồm việc thí điểm cơ chế thử nghiệm chính sách (Sandbox) về đầu tư và đất đai tại các khu vực động lực (Mộc Châu, Mai Sơn), cho phép các khu vực này có quyền tự chủ hành chính và tài chính cao theo cơ chế chính quyền 2 cấp. Cam kết đưa Sơn La vào Top 10 PCI [11] bằng cách minh bạch hóa quy trình và giảm chi phí không chính thức là điều kiện tiên quyết nên được ưu tiên để kích hoạt vòng xoáy đột phá thể chế, thu hút khu vực tư nhân.

4.2. TFP bùng nổ từ Khoa học và công nghệ

Việc triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) [2] nên được thực hiện theo một chiến lược cụ thể. Tỉnh nên tập trung nguồn lực xây dựng thành công Trung tâm Đổi mới sáng tạo với cơ chế vốn môi và quỹ đầu tư mạo hiểm để thu hút công nghệ và chuyên gia. Ứng dụng AI, IoT, và dữ liệu lớn cần được áp dụng toàn diện để tối ưu hóa năng suất và chất lượng toàn bộ chuỗi giá trị, đặc biệt thông qua việc hỗ trợ các Doanh nghiệp KH&CN tại chỗ.



4.3. Chiến lược tích hợp hạ tầng và vốn con người

Đầu tư vào hạ tầng nên mang tính cú hích lớn, đồng bộ giữa giao thông (CT03) và hạ tầng số 5G/6G [2] để hỗ trợ logistics thông minh và kinh tế số (bài học Trùng Khánh [14]). Song song, Tỉnh nên thực hiện khâu đột phá về nhân lực bằng cách tăng cường đào tạo chuyên sâu về kỹ sư chế biến thực phẩm và chuyên gia du lịch số, đồng thời thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại các trung tâm công nghiệp chế biến, nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dựa trên TFP.

5. Kết luận

Mục tiêu tăng trưởng GRDP 8%-8,5%/năm là nền tảng quan trọng, nhưng khát vọng tăng trưởng kinh tế hai con số có lẽ mới là động lực thúc đẩy Sơn La trở thành trung tâm của Tây Bắc. Lộ trình khả thi cho sự đột phá này nằm ở việc thực hiện một chiến lược chuyển đổi mô hình mạnh mẽ: Kiến tạo thể chế vượt trội (theo NQ 68) để tạo ra vòng xoáy đột phá về thể chế, kết hợp với việc khai thác triệt để động lực KH&CN (theo NQ 57) để tạo ra sự bùng nổ TFP, làm chủ nhân tố A trong phương trình tăng trưởng. Sơn La nên xem xét việc vận dụng sáng tạo kinh nghiệm từ các mô hình đã đạt tăng trưởng cao như Bắc Giang, Trùng Khánh, Bình Dương và Lào Cai để tạo ra sự tăng trưởng đột phá và khác biệt trong chu kỳ phát triển sắp tới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng bộ tỉnh Sơn La (2025), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030*.
2. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*.

3. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

4. Romer, P. M. (1990). Endogenous Technological Change. *Journal of Political Economy*, 98(5), S71-S102.

5. Rosenstein-Rodan, P. N. (1943). Problems of Industrialization of Eastern and South-Eastern Europe. *The Economic Journal*, 53(210/211), 202-211.

6. Murphy, K. M., Shleifer, A., & Vishny, R. W. (1989). *Industrialization and the Big Push*. *Journal of Political Economy*, 97(5), 1003-1026.

7. Litvack, J., Ahmad, J., & Bird, R. (1998). *Rethinking Decentralization at the World Bank*. World Bank Working Paper.

8. Evans, P. (1995). *Embedded Autonomy: States and Industrial Transformation*. Princeton University Press.

9. Tỉnh ủy Sơn La. (2025). *Chương trình Hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2025-2030) (Số 01-CTr/TU)*.

10. Tổng cục Thống kê (2024). *Báo cáo Tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2023 và Quý I/2024*.

11. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2023). *Báo cáo Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Cấp tỉnh (PCI) năm 2022*.

12. Tổng cục Thống kê (2024). *Dữ liệu Kinh tế - Xã hội tỉnh Lào Cai, 2019-2024*.

13. Tổng cục Thống kê (2024). *Dữ liệu Kinh tế - Xã hội tỉnh Bắc Giang, 2019-2024*.

14. Chongqing Municipal Bureau of Statistics. (2024). *Economic Data for Chongqing, 2019-2024*.

15. Tổng cục Thống kê (2024). *Dữ liệu Kinh tế - Xã hội tỉnh Bình Dương, 2019-2024*.

16. World Bank. (2008). *The Growth Report: Strategies for Sustained Growth and Inclusive Development*.



PHÁT TRIỂN CÂY CÀ PHÊ SƠN LA: NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Phạm Thị Hà, Trần Tuấn Đạt

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Sơn La

Tỉnh Sơn La có diện tích tự nhiên là 1.410.889 ha, gồm 75 đơn vị hành chính cấp xã, là tỉnh có diện tích lớn thứ 6 của cả nước chiếm 27,9% diện tích vùng Tây Bắc và bằng 4,26% tổng diện tích tự nhiên toàn quốc. Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 408.110 ha, đất đai chủ yếu là nhóm đất đỏ vàng, đất mùn vàng đỏ trên núi và đất mùn trên núi cao, với độ cao trung bình 600 - 700 m so với mặt nước biển, khí hậu nhiệt đới gió mùa; mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều, mùa đông lạnh khô rất phù hợp để trồng cây cà phê.

Với nhiều lợi thế, tiềm năng về vị trí địa lý, khí hậu và con người để phát triển cây cà phê mang lại giá trị kinh tế cao góp phần tạo nên một nền nông nghiệp sinh thái bền vững. Ngay từ cuối những năm 1980, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai “Chương trình phát triển cây cà phê chè - Arabica”, đặc biệt từ năm 2017, nhiều cơ chế chính sách mới đã được ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả.

1. Tác động của các chính sách đến phát triển cây cà phê

Các chính sách đã định hướng phát triển, hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, tạo nền tảng vững chắc cho sự mở rộng về diện tích, sản lượng,

xây dựng thương hiệu và giá trị xuất khẩu, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các chính sách đã khuyến khích doanh nghiệp,

hợp tác xã đầu tư vào trồng cây cà phê, sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm cà phê áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng công nghệ cao vào một số khâu của sản xuất như ứng dụng tưới nước tiết kiệm kết hợp với bón phân qua nước, ứng dụng GIS/GPS trong quản lý dinh dưỡng cho cây cà phê; chính sách hỗ trợ phát triển vùng trồng cây cà phê áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích phát triển hợp tác liên kết đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cà phê, liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm cà phê. Đặc biệt, một số mô hình sản xuất cà phê bền vững có truy nguyên nguồn gốc đã hình thành, từng bước nâng cao chất lượng cà phê xuất khẩu và bảo vệ môi trường, cụ thể như:

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây cà phê có giá trị kinh tế cao hơn, diện tích cây cà phê của tỉnh tăng từ 17.600 ha, đến hết năm 2024 diện tích đạt 23.313 ha (chiếm khoảng 3,18% tổng diện tích cà phê toàn quốc nhưng đặc biệt nổi bật khi chiếm tới 47,9% diện tích trồng cà phê



Ảnh: Nông trại cà phê ở xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La

chè (Arabica) của cả nước). Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng cà phê, Sơn La đã đưa vào trồng một số giống mới cho năng suất cao giống TN1, TN2 và đã nhập nội, khảo nghiệm và chọn tạo các giống cà phê Arabica mới H1, Starmaya, có năng suất, chất lượng cao, thích nghi với điều kiện sinh thái của tỉnh để bổ sung vào cơ cấu giống cà phê trên địa bàn tỉnh.

Sản lượng đạt trên 29.000 tấn, giá trị sản xuất đạt 4.500 - 5.000 tỷ đồng, trong đó, sản lượng cà phê nhân đạt 28.155 tấn. Hiện nay 02 vùng đã được công nhận sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao với diện tích hơn 1.039 ha và 1.560 hộ tham gia; phát triển được 1.120 ha cà phê đặc sản, sản lượng đạt gần 1.000 tấn/năm. Trên toàn tỉnh hiện có hơn 19.100 ha cà phê được chứng nhận bền vững theo các tiêu chuẩn RA, 4C, VietGAP

và tương đương, chiếm trên 76% tổng diện tích cà phê toàn tỉnh. góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, tỉnh cũng đang duy trì và phát triển 05 chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ cà phê, với tổng diện tích 2.160 ha, sản lượng đạt 4.518 tấn/năm.

Sơn La đã xây dựng và duy trì chỉ dẫn địa lý “Cà phê Sơn La” được Cục Sở hữu trí tuệ từ cấp năm 2017 cho 7 tổ chức: Công ty TNHH xuất nhập khẩu cà phê Minh Tiến - Chi nhánh Sơn La; Công ty TNHH Cà phê Sơn La; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cát Quế - chi nhánh Sơn La; Công ty cà phê Phúc Sinh Sơn La; Hợp tác xã Bích Thao; HTX Aratay -Coffee; Công ty Cổ phần cà phê Detech. Toàn tỉnh có 05 sản phẩm cà phê OCOP, trong đó 1 sản phẩm đạt 5 sao quốc gia, 3 sản phẩm đạt 4 sao và 1 sản



phẩm đạt 3 sao. Cà phê trên địa bàn tỉnh tham gia xuất khẩu ước đạt 31.700 tấn cà phê nhân, giá trị 88,77 triệu USD, chiếm 44,74% tổng giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu, chủ yếu sang thị trường các nước EU, Bắc Mỹ, Hoa Kỳ, các nước Trung Đông và ASEAN. Có 7 công ty, doanh nghiệp, HTX được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cà phê Sơn La”, xuất khẩu đến 20 quốc gia, vùng lãnh thổ, giá trị xuất khẩu đạt gần 100 triệu USD, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho trên 18.000 hộ trồng cà phê.

Tuy nhiên việc phát triển cây cà phê vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức cần có giải pháp đồng bộ để thực hiện như: Nâng sản lượng chế biến sâu; ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu trong sản xuất, canh tác; thay thế giống cà phê trồng lâu năm và già cỗi; đẩy mạnh liên kết chặt chẽ chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ; tăng cường chuyển đổi số vào sản xuất, tiêu thụ và công tác xây dựng thương hiệu.

2. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, để phát triển cây cà phê trong thời gian tới theo hướng bền vững, cần triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một số nhiệm vụ trọng tâm

Một là, phát triển diện tích sản xuất cà phê chất lượng cao: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phù hợp với định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm cà phê ứng dụng công nghệ cao. Hỗ trợ mở rộng diện tích cà phê đặc sản, cà phê đặc ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích trồng mới và tái canh bằng các giống cà phê mới, có chất lượng tốt,

năng suất cao và khả năng chống chịu sâu bệnh tốt. Xây dựng đề án chiến lược sản xuất giống cây cà phê chất lượng cao, đảm bảo chất lượng giống cây cà phê chất lượng cao trong tỉnh, trong đó trọng tâm là thành lập Trung tâm Nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng chất lượng cao (trong đó có cây cà phê). Kiểm soát, quản lý chặt chẽ nguồn gốc giống cây cà phê trên địa bàn tỉnh.

Hai là, đẩy mạnh chế biến sâu và liên kết chuỗi giá trị: Nâng cao tỷ lệ chế biến công nghiệp và chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm. Hình thành và phát triển các cụm công nghiệp cà phê để thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất. Thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm cà phê ổn định.

Ba là, ứng dụng khoa học công nghệ và canh tác bền vững: Phát triển sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao. Đầu tư nhà sơ chế, rang xay, chế biến sâu để nâng tỷ lệ cà phê chế biến tinh. Ứng dụng chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc điện tử (QR code, blockchain) để đáp ứng yêu cầu EUDR, Organic, Fair-trade. Thực hiện các biện pháp canh tác bền vững, các biện pháp nâng cao sức khỏe cho đất, tuân thủ Khung hành động thực hiện thích ứng với Quy định xuất khẩu các hàng hóa và sản phẩm có liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng của Châu Âu (EU).

Bốn là, xây dựng và quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm: Tập trung vào chiến lược nâng cao chất lượng và giá trị cà phê đặc sản và chế biến sâu; xây dựng, quảng bá và nâng cao giá trị thương hiệu cà phê Sơn La trên thị trường nội địa và quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến



Mùa thu hoạch cà phê ở Sơn La

thương mại, quảng bá thương hiệu gắn với du lịch; đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị, tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, mở rộng diện tích áp dụng các quy trình sản xuất bền vững và công nghệ cao, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để xuất khẩu đến các thị trường EU, Bắc Mỹ và các nước khác.

Năm là, rà soát ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển cây cà phê: Chính sách ưu đãi tín dụng đầu tư chế biến sâu & bảo quản; chính sách hỗ trợ chuyển giao và ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại phục vụ chế biến sâu; liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học để đào tạo nhân lực, nghiên cứu công nghệ lên men tạo mùi hương, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Chính sách hỗ trợ xây dựng thương hiệu vùng miền & chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê chế biến sâu như

"Cà phê đặc sản Sơn La", "Cascara Tây Bắc".... Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại & kết nối thị trường trong nước và xuất khẩu. Chính sách hỗ trợ tổ chức sản xuất – liên kết chuỗi trong sản xuất, tiêu thụ. Chính sách hỗ trợ tái canh, cải tạo giống cây cà phê mới phù hợp cho năng suất, chất lượng cao.

Một số giải pháp trọng tâm:

Một là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ phát triển cà phê chất lượng cao: Rà soát, bổ sung quy hoạch và mở rộng diện tích cà phê đặc sản và bền vững. Phát triển vùng nguyên liệu cà phê đạt các tiêu chuẩn cà phê đặc sản, cà phê ứng dụng công nghệ cao, chỉ dẫn địa lý, Mã số vùng trồng. Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từ tích tụ quy hoạch đất đai, biện pháp canh tác đến sơ chế, đóng gói và bảo quản sau thu hoạch, nâng cao năng suất và chất lượng cà phê; hỗ trợ



áp dụng thực hiện, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ mới trong sản xuất và bảo quản sản phẩm cà phê. Ứng dụng công nghệ sinh học để tận dụng phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân bón hữu cơ hoặc năng lượng sinh học. Tham gia các nền tảng số thương mại nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ nghiên cứu về cây cà phê Sơn La; kịp thời chuyển giao kết quả nghiên cứu để tổ chức thực hiện vào thực tiễn. Đầu tư vào công nghệ chế biến sâu, tiên tiến hiện đại để nâng cao giá trị gia tăng cho hạt cà phê, trọng tâm là các sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm đặc sản phục vụ xuất khẩu.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng và nâng cao hiệu quả các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ: Đẩy mạnh chuỗi liên kết chặt chẽ, minh bạch; phát triển và nâng cao vai trò của hiệp hội, ngành hàng cà phê trên địa bàn tỉnh; khuyến khích nông dân tham gia vào các hợp tác xã, tổ hợp tác, các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, từ đó hình thành vùng nguyên liệu ổn định. Mở rộng diện tích áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo chuẩn sản xuất cà phê bền vững được chứng nhận và các chứng nhận tương đương. Tăng cường đào tạo, tập huấn cho nông dân và cán bộ kỹ thuật về kỹ năng sản xuất, quản lý và chế biến cà phê theo hướng bền vững và hiệu quả. Tăng cường liên kết đa phương và chính sách hỗ trợ từ chính quyền địa phương. Nhân rộng các mô hình phát triển cà phê. Kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm với hoạt động sản xuất cà phê, trải nghiệm và giáo dục cộng đồng để tạo điểm nhấn cho du khách, quảng bá sản phẩm cà

phê và thu hút đầu tư. Có chính sách hỗ trợ các điểm du lịch cộng đồng – sinh thái gắn với vùng phát triển cà phê chè chất lượng cao, có tiềm năng phát triển du lịch.

Ba là, về phát triển thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu cà phê Sơn La: Đa dạng các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu tiềm năng, chú trọng các thị trường có nhu cầu cao về cà phê chất lượng cao và bền vững. Chú trọng phát triển thị trường nội địa thông qua các kênh phân phối, bán lẻ cà phê chất lượng cao, các chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện lợi và kênh trực tuyến. Xây dựng và quảng bá thương hiệu "Cà phê Sơn La" thông qua chỉ dẫn địa lý, kết hợp với các dịch vụ, du lịch. Nghiên cứu Xây dựng thương hiệu "Cà phê Arabica Sơn La – Chất lượng cao" đăng ký chỉ dẫn địa lý tại trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong tiêu thụ, phát triển các hạ tầng, hỗ trợ giao dịch điện tử tích hợp trong thương mại và dịch vụ công, trong đó chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, mã QR code, hoàn thiện, nhân rộng mô hình liên kết, kết nối giữa các cơ sở sản xuất với người mua hàng, cơ sở cung ứng dịch vụ logistics thông qua các sàn thương mại điện tử...

Năm là, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở chế biến, bảo quản sản phẩm cà phê: Có chính sách hỗ trợ thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác và các liên minh sản xuất cà phê bền vững; hình thành mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở chế biến ứng dụng công nghệ, kỹ



thuật tiên tiến vào sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm cà phê để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng mã số vùng trồng, mã số định danh, mã QR Code, bao bì, nhãn mác; thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm từ quả cà phê, thực hiện số hóa các dữ liệu ngành hàng cà phê, hợp tác xã sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cà phê trên địa bàn tỉnh.

Sáu là, đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý, mã vùng trồng: Tăng cường liên kết sản xuất - tiêu thụ, xây dựng vùng nguyên liệu bền vững với giống chất lượng cao; đầu tư vào các cơ sở sản xuất giống cà phê chất lượng cao, sạch bệnh để đảm bảo năng suất ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng mã số vùng trồng để truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, đảm bảo sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu. Khuyến khích áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến và truy xuất nguồn gốc để nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Tăng cường quản lý và giám sát sử dụng chỉ dẫn địa lý, xử lý nghiêm các vi phạm

Có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu; tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế để quảng bá sản phẩm, tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường quản lý và giám sát sử dụng chỉ dẫn địa lý, xử lý nghiêm các vi phạm quyền sở

hữu cho các nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho cà phê Sơn La..

Tóm lại, Sơn La là tỉnh có vùng cà phê Arabica lớn nhất miền Bắc và là địa phương dẫn đầu cả nước về diện tích, sản lượng cà phê chè Arabica. Để xây dựng được thương hiệu, chất lượng và ưu thế vững chắc trên thị trường trong nước và xuất khẩu cần triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp, trong đó trọng tâm là các chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến sâu và tiêu thụ sản phẩm cà phê chất lượng cao, góp phần xây dựng Sơn La trở thành trung tâm nông nghiệp công nghệ cao của vùng Tây Bắc./.

Tài liệu tham khảo:

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đề án “Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh

- Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh

- Báo cáo số 1231-BC/BCSD ngày 20/02/2025 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Sơn La

- Báo cáo số 1231/BC-SNN ngày 18/12/2024 của Sở Nông nghiệp và môi trường Sơn La.



THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA TỈNH SƠN LA QUA THỰC TIỄN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

TS. Nguyễn Minh Đức¹

Mở đầu: Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi mỗi quốc gia, mỗi địa phương phải nắm bắt cơ hội để khai thác các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Các nguồn lực đó bao gồm nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực tài chính, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực con người,... Trong đó, nguồn lực con người là nguồn lực quan trọng nhất, có tính chất quyết định sự tăng trưởng và phát triển xã hội.

Sơn La có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp công nghệ cao và khả năng ứng dụng công nghệ mới trong nhiều lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế; chính vì vậy, vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao - lực lượng lao động có trình độ, có khả năng nắm bắt, tiếp cận nhanh và làm chủ những công nghệ hiện đại, phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trước những yêu cầu mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cần được nghiêm túc đặt ra với những bước đi vững chắc và toàn diện.

I. Phát triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao trước những yêu

cầu mới theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng

1. Khái niệm về nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao

1.1. Khái niệm về nguồn nhân lực

Trong khoa học Quản trị nhân lực: “*Nguồn nhân lực*” (Human Resources) được hiểu là “nguồn lực con người”.

Dưới góc nhìn quản lý: nguồn nhân lực bao gồm bộ phận dân số trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động và những người ngoài độ tuổi lao động có tham gia lao động - hay còn được gọi là nguồn lao động. Bộ phận của nguồn lao động gồm toàn bộ những người từ độ tuổi lao động trở lên có khả năng và nhu cầu lao động được gọi là lực lượng lao động. Dưới góc nhìn kinh doanh, Ngân hàng thế giới cho rằng “nguồn nhân lực là toàn bộ vốn con người, bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng nghề nghiệp của mỗi cá nhân”.

Như vậy, theo cách thứ nhất, nhìn nhận về số lượng: Nguồn nhân lực là nguồn cung cấp sức lao động cho sự phát triển xã hội, là tổng số những người trong độ tuổi lao động theo quy định của nhà nước và thời gian lao

1. Chuyên viên cao cấp, Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật tỉnh Sơn La.



động họ có thể tham gia. Theo cách thứ hai, nhìn nhận về chất lượng: Nguồn nhân lực là tổng thể các yếu tố về thể lực, trí lực, trình độ chuyên môn, trình độ lành nghề của người lao động.

1.2. Khái niệm về nguồn nhân lực chất lượng cao

Với các quan điểm về nguồn nhân lực khác nhau tương ứng sẽ có cách hiểu khác nhau về “*Nguồn nhân lực chất lượng cao*”.

Theo cách hiểu định lượng: “*Nguồn nhân lực chất lượng cao là những người lao động đã qua đào tạo, có bằng cấp và trình độ chuyên môn kỹ thuật*”.

Theo cách hiểu định tính: “*Nguồn nhân lực chất lượng cao là một bộ phận của lực lượng lao động, có khả năng đáp ứng những yêu cầu phức tạp của công việc, tạo ra năng suất và hiệu quả cao, có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển xã hội*”.

Ở nước ta hiện nay, khái niệm nguồn nhân lực chất lượng cao đã được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; đó là những “*cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, quản trị doanh nghiệp giỏi, lao động lành nghề và cán bộ khoa học công nghệ đầu đàn*”.

Tóm lại, có thể hiểu một cách chung nhất về nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta đó là: “*Bộ phận ưu tú nhất của nguồn nhân lực đất nước, bao gồm những người tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống; có trình độ học vấn, chuyên môn cao; có sức khỏe tốt (theo độ tuổi); luôn đi đầu trong lao động, sáng tạo khoa học, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”.

1.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trước những yêu cầu mới theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định: “*Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao chính là phát triển cả về mặt số lượng và chất lượng con người ưu tú nhất của nguồn nhân lực đất nước, với tổng hòa các tiêu chí về trí lực, thể lực và tâm lực.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII cũng đã khẳng định: “*Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng*” (Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Tr. 12- - 128).

Để đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phải thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trước những yêu cầu mới.

Trong thời đại bùng nổ của cuộc cách mạng lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng; để tránh nguy cơ tụt hậu, việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, đi tắt đón đầu ngày càng đòi hỏi phải phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng nắm bắt, tiếp cận nhanh và làm chủ những công nghệ hiện đại. Trước những yêu cầu mới, Đảng và Nhà nước ta đang tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số và phát triển nền kinh tế số. Để tương ứng với nền kinh tế số phải có nguồn nhân lực số để triển khai thực hiện và vận hành nó. Đặc trưng của



nguồn nhân lực số được thể hiện trên các phương diện như: (a) Có năng lực làm chủ các thiết bị công nghệ số trong quá trình tương tác của các hoạt động kinh tế; (b) Có khả năng thích ứng trong thời gian nhanh nhất với môi trường lao động và với tiến bộ khoa học công nghệ mới; (c) Có tác phong kỷ luật và đạo đức trong công việc; (d) Có khả năng tư duy đột phá trong công việc, hay còn gọi là tính sáng tạo.

II. Thực trạng về phát triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Sơn La qua thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

1. Khái quát về dân số và lao động của Sơn La giai đoạn 2021-2023

Sơn La là tỉnh miền núi phía Tây Bắc Việt Nam, có tổng diện tích tự nhiên là 14.109,83 km² ; với 274,065 km đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Hỏa Phấn và tỉnh Luông Pha Bắg - nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào. Theo Niên giám thống kê, dân số trung bình của tỉnh năm 2023 là 1.313.339 người; là tỉnh đông dân nhất vùng Tây Bắc Bộ với 14,13% dân số sống ở đô thị và 85,87% sống ở nông thôn. Sơn La có 12 dân tộc chung sống, trong đó: dân tộc Thái chiếm 54%, dân tộc Kinh 18%, dân tộc Mông 12%, dân tộc Mường 8,4%, dân tộc Dao 2,5%, còn lại là các dân tộc: Khơ Mú, Xinh Mun; Kháng, La Ha, Lào, Tày và Hoa.

Dân số và lao động tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2023

ĐVT: người

STT	Danh mục	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Dân số trung bình toàn tỉnh	1.287.718	1.304.963	1.313.339
2	<i>Lực lượng lao động (15 tuổi trở lên)</i>	<i>555.311</i>	<i>601.898</i>	<i>610.43</i>
3	<i>Lực lượng lao động có việc làm</i>	<i>550.071</i>	<i>585.928</i>	<i>598.526</i>
3.1	<i>Thành thị</i>	<i>86.317</i>	<i>89.811</i>	<i>92.783</i>
3.2	<i>Nông thôn</i>	<i>463.754</i>	<i>496.117</i>	<i>505.743</i>
4	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	1,03	2,38	2,11

Lực lượng lao động (từ 15 tuổi trở lên) của tỉnh năm 2023 là 601.430 người; trong đó: Nam 324.930 người, nữ 285.500 người; thành thị 950.300 người, nông thôn 515.130 người; lao động có việc làm là 558.827 người (chiếm 97,89 %). Lực lượng lao động qua đào tạo của tỉnh ngày càng tăng. Đội

ngũ Giảng viên của các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn của tỉnh (Đại học Tây Bắc, Cao đẳng Sơn La, Cao đẳng nghề Sơn La; Cao đẳng Y Dược Sơn La) luôn là lực lượng tiên phong trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh. Bên cạnh đó, hoạt



động khuyến nông, khuyến công của tỉnh với sự tham gia của nhiều cán bộ kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản, chuyển giao công nghệ thông tin trong quảng bá thương hiệu nông sản, ... cũng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp tri thức, nâng cao trình độ cho lực lượng lao động của tỉnh cả trên bình diện chuyên môn, tính chuyên nghiệp, năng nghề, khả năng sáng tạo và vốn văn hóa ứng xử chuyên ngành trước những yêu cầu mới.

2. Một số cơ chế chính sách về phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Sơn La đã triển khai theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Trong những năm qua, UBND tỉnh Sơn La đã ban hành và thực hiện lồng ghép các cơ chế chính sách về phát triển nguồn nhân lực của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu như: Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; Chương trình phát triển công nghiệp, dịch vụ; Chương trình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tập trung; ... Một số kết quả cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện lồng ghép chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm của tỉnh theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

- Tập trung triển khai các Nghị quyết của HĐND tỉnh về công tác đào tạo nghề và

việc làm: Nghị quyết số 133/2016/NQ-HĐND ngày 22/3/2016 về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 60/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La năm 2016; Nghị quyết số 124/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020.

- Triển khai thực hiện các quyết định của UBND tỉnh Sơn La về đào tạo nghề và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 phê duyệt "Quy hoạch dạy nghề tỉnh Sơn La đến năm 2020"; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và cán bộ cấp xã tỉnh Sơn La đến năm 2020"; Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 về việc Quy định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.; Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm - dạy nghề tỉnh Sơn La; Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc quy định danh mục nghề, mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh Sơn La về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La năm 2020; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Sơn La về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La năm 2022, ...

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Sơn La (trước đây) đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thông tin, tuyên truyền về chính sách đào



tạo nghề, chương trình việc làm của tỉnh, chính sách xuất khẩu lao động. Công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân và người công tác đào tạo nghề gắn với việc làm trong nền kinh tế thị trường hiện nay, từng bước làm thay đổi quan niệm về học nghề, việc làm sau học nghề và tự tạo việc làm của người lao động.

3. Thực trạng về phát triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Sơn La

Tính đến 31/12/2023: Lực lượng lao động của tỉnh (từ 15 tuổi trở lên) là 601.430 người, trong đó: Nam 324.930 người, nữ 285.500 người; thành thị 950.300 người, nông thôn 515.130 người; lao động có việc làm là 558.827 người (chiếm 97,89 %).

Về đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuyển đổi nghề cho lực lượng lao động của tỉnh Sơn La, theo báo cáo tại văn bản số 1059/SNV- XDCQ ngày 16/6/2025 của Sở Nội vụ Sơn La: Trong giai đoạn từ 2020 - 2024, bình quân mỗi năm toàn tỉnh đã đào tạo nghề cho khoảng 20.000 lao động. Cũng trong giai đoạn từ 2020 - 2024 đã có 1.301 lao động của tỉnh Sơn La xuất cảnh đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng; đồng thời tỉnh Sơn La cũng đã hỗ trợ cho 94.898 lao động đi làm việc ngoại tỉnh (trong đó có 75,1% số lao động làm việc tại các khu công nghiệp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước).

Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là cán bộ, công chức, viên chức: trong giai đoạn 2017 - 2023, toàn tỉnh đã có 5.671 cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyên môn, lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ, ngoại ngữ, quản lý nhà nước. Trong đó:

(1) Khối chính quyền: tổ chức đào tạo chuyên môn cho 591 người (trình độ tiến sĩ 01 người, thạc sĩ 112 người, đại học 447 người, trình độ khác 31 người; 322 người dân tộc thiểu số (chiếm 54,5%); giới tính nữ là 382 người (chiếm 64,6%)); bồi dưỡng cho 3.571 người (Bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho 3.191 người; bồi dưỡng quản lý nhà nước (ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp) là 191 người; bồi dưỡng ngoại ngữ là 189 người; dân tộc thiểu số là 1.787 người; giới tính nữ là 1.682 người); đào tạo lý luận chính trị cho 603 người (Cao cấp lý luận là 81 người, Trung cấp lý luận là 297 người, Sơ cấp lý luận là 225 người; dân tộc thiểu số là 318 người, chiếm 52,7%; giới tính nữ là 264 người, chiếm 43,7%).

(2) Khối Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: t Tổ chức đào tạo chuyên môn cho 169 người (01 tiến sĩ, 145 thạc sĩ, 571 cử nhân đại học; giới tính nữ là 47 người, dân tộc thiểu số là 59 người); đào tạo lý luận chính trị cho 458 người (cao cấp là 31 người; trung cấp là 324 người; sơ cấp là 103 người); bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 458 người, bồi dưỡng quản lý nhà nước cho 125 người, bồi dưỡng ngoại ngữ cho 106 người.

III. Những vấn đề đặt ra về phát triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao ở tỉnh Sơn La qua thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Qua thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong điều kiện kinh tế - xã hội đang chuyển mình mạnh mẽ, nhất là dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng; bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát



triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Sơn La trong thời gian qua đã và đang đặt ra một số vấn đề cần nghiên cứu để tiếp tục vận dụng và triển khai trong giai đoạn tới; cụ thể là:

Thứ nhất, việc phát triển nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao phải gắn với nhu cầu của thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu lao động. Việc nắm bắt các xu hướng và nhu cầu của thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu lao động phải được thực hiện thường xuyên, có hệ thống và mang tính dự báo. Không thể để xảy ra tình trạng đào tạo thừa thầy, thiếu thợ hoặc đào tạo hàng nghìn cử nhân trong khi doanh nghiệp lại cần hàng nghìn công nhân kỹ thuật. Các ngành như: ứng dụng công nghệ cao công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp; các kỹ sư và công nhân lành nghề về chế biến nông sản; lực lượng lao động chuyên nghiệp trong dịch vụ du lịch, logistics; Kỹ sư và công nhân kỹ thuật trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, ... là những lĩnh vực, ngành nghề của tỉnh trong hiện tại và tương lai đang rất cần nguồn nhân lực chất lượng cao nhưng chưa được chú trọng đào tạo. Bên cạnh đó, phải làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động theo ngành nghề, cấp trình độ ở từng vùng, khu vực; nhanh chóng chuyển đổi phương thức đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh từ hướng “cung” sang hướng “cầu” theo 3 cấp độ: (i) Đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế; (ii) Bảo đảm sự cân đối giữa đào tạo và sử dụng; (iii) Đáp ứng kịp thời nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ hai, để phát triển nguồn nhân lực và

nguồn nhân lực chất lượng cao phải thực hiện đa dạng hoá các hình thức đào tạo nghề và thúc đẩy động lực học của lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, nhu cầu học nghề của bộ phận lao động nông thôn của tỉnh bao gồm nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi khác nhau với mong muốn được học những ngành nghề sau này có cơ hội tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao. Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cần phải tích cực rà soát, tìm hiểu nhu cầu đối tượng, và lứa tuổi có mong muốn học nghề, đồng thời cần phải nắm bắt rõ nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp trong địa bàn và các vùng lân cận, từ đó lên chiến lược nhằm mở rộng và phát triển các hình thức đào tạo để đáp ứng được những nhu cầu trên. Nội dung đào tạo ở mỗi hình thức đào tạo cần phải thay đổi để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trước những yêu cầu mới. Tăng cường liên kết đào tạo, đổi mới phương thức liên kết để đa dạng các loại hình đào tạo và mềm hóa thời gian học. Chú trọng tới việc nâng cao chất lượng, tạo môi trường thuận lợi nhất để học viên được tiếp cận nhiều nhất với các cơ sở nông nghiệp công nghệ cao và các cơ sở công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục liên kết với các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề ở trung ương và tỉnh bạn để mở các lớp kỹ năng nghề đáp ứng với nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh hoặc tại cụm công nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chất lượng cao.

Thứ Ba, phải tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Trong những năm qua, tỉnh Sơn La cũng rất quan tâm đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Tuy nhiên, một số cơ chế, chính



sách đào tạo còn thiếu tính đặc thù cho vùng miền núi, dân tộc thiểu số nên chưa thực sự khuyến khích được người học; việc thể chế hóa chính sách của Nhà nước trong việc hợp tác gắn kết giữa đào tạo với sử dụng, với doanh nghiệp còn chậm, chưa có chính sách đủ mạnh nhằm khuyến khích doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh kết hợp với các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở giáo dục công lập trong quá trình đào tạo nghề; chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài còn manh mún và chưa thực sự hấp dẫn để thu hút người tài về làm việc trong các cơ sở đào tạo của tỉnh; ... Trong giai đoạn hiện nay, ngoài việc tiếp tục hoàn thiện các quy định của nhà nước về chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng lao động của tỉnh, tỉnh Sơn La cũng cần xây dựng cơ chế, chính sách cạnh tranh trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo bước đột phá thu hút đội ngũ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, những chuyên gia giỏi tham gia giảng dạy, góp phần vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Thứ tư, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phải từng bước áp dụng hình thức đặt hàng trong công tác đào tạo; cập nhật các phương pháp đào tạo hiện đại, sử dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến trong quá trình đào tạo và đánh giá chất lượng. Đây là “chìa khóa để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường”. Phải phát triển các mô hình như đào tạo kép (các cơ sở đào tạo - doanh nghiệp): thực học, thực nghiệp tại các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo cần được mở rộng. Các doanh nghiệp đơn vị sử dụng lao động cần được tham gia thiết kế chương trình học nghề, giảng dạy chuyên đề, tuyển dụng thực tập sinh từ sớm. Bên cạnh đó, muốn chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu

cầu thị trường thì cần áp dụng các phương pháp đào tạo hiện đại, sử dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến. Các chương trình đào tạo phải được cập nhật liên tục để phù hợp với sự thay đổi của thị trường lao động. Từng bước xúc tiến việc hiện đại hóa đào tạo theo hướng trang bị và ứng dụng công nghệ tin học vào quá trình giảng dạy để thay thế dần cho phương pháp giảng dạy truyền thống vẫn đang được áp dụng ở một số các cơ sở đào tạo hiện nay. Khuyến khích các đối tượng tham gia các khóa đào tạo hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm nhằm thúc đẩy tinh thần cộng đồng học tập, cùng nhau tương trợ, cùng nhau thi đua học để nâng cao chất lượng đào tạo.

Thứ năm, việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phải tiến hành đồng thời với nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh. Chính quyền điện tử là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của Chính phủ và Chính quyền địa phương. Chính quyền điện tử sẽ cung cấp các dịch vụ công cộng, thực hiện các hoạt động trên nền tảng phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp, ... Đô thị thông minh về cơ bản, đó là mô hình thành phố ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để quản lý, nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống đô thị, cải thiện chất lượng phục vụ của chính quyền thành phố và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên. Ở nước ta hiện nay, một số địa phương đã đề ra tiêu chí xây dựng đô thị thông minh dựa trên 05 trụ cột chính đó là: (1) Dịch vụ công thông minh; (2) Giao thông thông minh; (3) Y tế



thông minh; (4) Giáo dục thông minh; (5) Quản lý môi trường thông minh.

Để phát triển nguồn nhân lực trình độ cao gắn với nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh; trước tiên, tỉnh Sơn La cần tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực làm chủ các thiết bị công nghệ số và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp đến, Sơn La phải chú trọng công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức viên chức đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ số hóa trong mọi mặt hoạt động của nền kinh tế. Cuối cùng, Sơn La cần phát triển các Trung tâm dịch vụ thông tin để trang bị kiến thức về tương tác và sử dụng các dịch vụ điện tử cho người dân bởi lẽ một đô thị thông minh muốn vận hành được cần phải có những công dân đô thị thông minh.

Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phải gắn với yêu cầu làm chủ các thiết bị công nghệ số và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Sơn La đòi hỏi tương ứng về nhân lực nông nghiệp công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh từng loại loại nông sản và các công đoạn của quá trình sản xuất nông nghiệp; bao gồm từ nhân lực trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ công nghệ sinh học (giống, kỹ thuật nuôi cấy mô, ...) đến nhân lực trong ứng dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến (kỹ thuật tưới, tiêu; kỹ thuật bón phân, màng che, điều hoà độ ẩm, ánh sáng...) và nhân lực trong việc ứng dụng các công nghệ “mềm” (cơ chế tổ chức, quản lý tiên tiến, các hoạt động bảo hộ quyền sở

hữu trí tuệ, ...). Mô hình phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao cần dựa vào sự chủ động nghiên cứu, chuyển giao và đào tạo của các doanh nghiệp và các chính sách hỗ trợ mô hình phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của các cá nhân và hộ gia đình dựa vào sự tìm tòi sáng tạo để trực tiếp sản xuất thông qua hoạt động tham gia xây dựng chuỗi liên kết giá trị sản phẩm. Trong lĩnh vực du lịch, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số ở tất cả các lĩnh vực: từ lưu trú, lữ hành, giải trí, vận chuyển, đặt chỗ, cung cấp dịch vụ, giao tiếp cho đến hỗ trợ, cung cấp thông tin, truyền thông, quản lý, ... Chính vì vậy phải đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về công nghệ thông tin đồng thời với việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tính chuyên nghiệp để tạo ra sự phát triển đồng bộ nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và nâng cao giá trị hình ảnh của du lịch của Tỉnh. Ngoài hai lĩnh vực quan trọng nêu trên, các lĩnh vực khác của tỉnh đều phải quan tâm đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời tạo sự đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

Kết luận

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; tỉnh Sơn La hết sức quan tâm đến vấn đề đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Sơn La và đã đạt được những kết quả bước



đầu: chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh cơ bản đã đáp ứng quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và du lịch thông minh. Đã từng bước được hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao trên một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong quá trình thực hiện chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả bước đầu đã đạt được, việc xây dựng, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Sơn La cũng còn nhiều hạn chế, đã và đang đặt ra nhiều đòi hỏi, thách thức trước những yêu cầu mới. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là vấn đề lớn, hệ trọng, cơ bản, lâu dài; chính vì vậy đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, phân tích, đánh giá đúng thực trạng nhân lực chất lượng cao của tỉnh Sơn La nói riêng và các địa phương trong cả nước nói chung với những tiêu chí cụ thể trên tất cả các mặt: từ kinh tế, chính trị, xã hội, quản lý, sử dụng nguồn nhân lực, ... cho đến các chính sách về thu hút, đãi ngộ người lao động, sử dụng nhân tài để từ đó nâng cao nhận thức và đưa các giải pháp phù hợp với sự phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng trong tình hình mới và những yêu cầu mới đang đặt ra./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024): Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng

lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ), Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập I và tập II), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La: Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 về thông qua Đề án đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài giai đoạn 2009-2016; Nghị quyết số 92/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 về chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sơn La giai đoạn 2015-2020.

5. Phan Thị Tuyết Minh: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, Tạp chí Tổ chức nhà nước điện tử, <https://tcnn.vn/news/detail/54664/Xay-dung-doi-ngu-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-chuyen-nghiep-co-nang-luc-pham-chat-dap-ung-yeu-cau-nhiem-vu-va-su-phat-trien-dat-nuoc.html>, ngày đăng 09/6/2022.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La, Báo cáo số 1507/BC-SKHĐT ngày 30/12/2020, Kết quả thực hiện Quy hoạch Phát triển nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch 2021 - 2025, định hướng 2030.

7. Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

8. Hà Quang Thụy, Nguyễn Hữu Đức (2019): “Kinh tế số: Bối cảnh thế giới và liên hệ với Việt Nam”. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9. Tỉnh uỷ Sơn La (2021), Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

10. Tỉnh uỷ Sơn La (2020), Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Sơn La năm 2020./.



CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA: MỘT SỐ KẾT QUẢ VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Sơn

Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Sơn La

Chuyển đổi số tiếp tục được xác định là chiến lược ưu tiên quốc gia. Việt Nam ghi nhận nhiều tiến bộ nổi bật: Tỷ trọng kinh tế số năm 2024 đạt khoảng 18,3% GDP và dự kiến vượt 20% năm 2025, tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực. Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2025, ít nhất 80% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến toàn trình nhằm hình thành chính phủ số hiệu quả. Hạ tầng số và dữ liệu quốc gia được đẩy mạnh, từ phổ cập mạng 4G/5G, đấu giá tần số 5G đến triển khai Đề án 06 về công dân số.

Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; cùng các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, trong khu vực Tây Bắc, các tỉnh lân cận có bước đi riêng: Điện Biên đi đầu phổ cập kỹ năng số cộng đồng (“Bình dân học vụ số”, “Ngày hội AI”, “Đại sứ số”); Lai Châu đặt mục tiêu mạnh (phủ sóng 5G #45% địa bàn, trên 80% hộ có cáp quang, thành lập trung tâm an ninh mạng, chỉ hơn 3% ngân sách cho KH-CN và chuyển đổi số); tỉnh Hòa Bình (trước khi sáp nhập) dẫn đầu về dịch vụ công trực tuyến (#1.000+ dịch vụ toàn trình, xử lý trực tuyến hơn 90% hồ sơ cấp tỉnh) và hạ tầng (cáp quang trên 80% hộ, 4G/5G phổ cập). Sơn La có cách làm mới và đạt được kết quả bước đầu quan trọng:

1. Tình hình thực hiện chuyển đổi số tại tỉnh Sơn La

Từ đầu năm 2025 đến nay, chuyển đổi số của tỉnh Sơn La đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên ba trụ cột: (1) Lập kế hoạch và chỉ đạo: 57 cơ quan/đơn vị đã ban hành kế hoạch Chuyển đổi số 2025 theo định hướng chung, tạo sự đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. (2) Chính quyền số: Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính liên thông kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia ở 3 cấp; cung cấp 1.886 dịch vụ công trực tuyến (đạt 1.554 mức 4, 312 mức 3), bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến; LGSP kết nối 9/19 CSDL dùng chung; 12/14 sở mở dữ liệu, mức sẵn sàng dữ liệu mở đạt 85% kế hoạch; ban hành Khung kiến trúc chính quyền số phiên bản 4.0. (3) Hạ tầng số, xã hội số và kinh tế số: Cáp quang tới gần 80% số xã; 96% hộ có điện thoại thông minh; 2.448 tổ chuyển đổi số cộng đồng với 15.101 thành



Trung tâm hành chính công giải quyết thủ tục cho người dân

viên; kích hoạt 539.304 tài khoản VNeID (trên 50% dân số); lắp đặt trên 300 cụm loa truyền thanh thông minh tại xã/phường. Về Kinh tế số: đã triển khai vận hành sàn TMĐT Sơn La (sonla.sanviet.vn) kết nối với SanViet quốc gia; có 40 DN/HTX tham gia với gần 60 sản phẩm; nhiều doanh nghiệp ứng dụng phần mềm quản trị, tham gia chuỗi cung ứng số; quy mô kinh tế số ước đạt gần 5% GRDP (2024) nhưng tăng nhanh nhờ TMĐT và kinh tế nền tảng số.

Tuy nhiên, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh còn có một số khó khăn, hạn chế như: Về Nhân lực hiện nay, nguồn nhân lực về công nghệ thông tin/chuyển đổi số (CNTT/CĐS) còn thiếu và yếu, nhiều đơn vị còn kiêm nhiệm; đến tháng 9/2025 theo thống kê vẫn còn 6 sở/ngành

và 31 xã/phường chưa ban hành kế hoạch riêng. Về hạ tầng - nền tảng, một số nơi còn thiếu trang thiết bị; Internet tốc độ cao chưa phủ khắp thôn/bản đặc biệt là các xã vùng cao, xã đặc biệt khó khăn; nền tảng chung (báo cáo thông minh, LGSP - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh) triển khai chậm; liên thông dữ liệu còn trục trặc do thiếu chuẩn. Về kinh phí và chính sách, ngân sách cho chuyển đổi số còn thấp, đạt ~1,5% tổng chi của năm 2025; chính sách hỗ trợ tổ chuyển đổi số cộng đồng để duy trì bền vững chưa hoàn thiện. Về nhận thức và thói quen một bộ phận người dân/doanh nghiệp còn ngại dịch vụ trực tuyến và thanh toán điện tử; tỉ lệ sử dụng dịch vụ số ở một số lĩnh vực (đất đai, xây dựng) chưa cao. Về an ninh mạng, hiện



nay xuất hiện nhiều thư giả mạo, xấu độc làm mất niềm tin của nhân dân và doanh nghiệp, việc lộ lọt thông tin và dữ liệu cá nhân ngày càng tinh vi, nguy hiểm, có chiều hướng gia tăng, tuy nhiên năng lực ứng phó còn hạn chế, hiện còn thiếu công cụ giám sát tập trung.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

- Để hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch chuyển đổi số cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục tổ chức tập huấn cho CBCC, người dân và nâng cao năng lực cho tổ chuyển đổi số cộng đồng; có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho tổ chuyển đổi số cộng đồng.

Hai là, rà soát các mô hình tốt, tiêu biểu (TMĐT, phòng học thông minh, bệnh viện thông minh, du lịch thông minh) để nhân rộng; xây dựng hệ thống giám sát chỉ số chuyển đổi số và báo cáo theo dõi; hoàn thiện LGSP (Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh) kết nối liên thông với CSDL quốc gia.

Ba là, đảm bảo an toàn thông tin như kiểm tra định kỳ, khắc phục lỗ hổng; chuẩn bị/thuê SOC giám sát 24/7; tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố; lồng ghép an ninh mạng vào mọi dự án chuyển đổi số.

Bốn là, tổng kết và chuẩn bị giai đoạn mới đánh giá kết quả năm 2025, xây dựng phương hướng 2026; xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026–2030 bám sát Nghị quyết XVI của Tỉnh ủy và NQ 57-NQ/TW.

- Một số giải pháp cho giai đoạn 2026 - 2030:

Thứ nhất, về thể chế và chiến lược: Trong kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026–2030 cần đề ra các mục tiêu định lượng, như: Phải đạt mục tiêu phủ sóng băng rộng di động và hạ tầng số tới 100% các thôn bản; tăng cường sử dụng các dịch vụ số (95% người dân có tài khoản thanh toán điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến); phát triển năng lực công nghệ số với ít nhất 3 doanh nghiệp công nghệ ... Xác định các dự án trọng điểm (hạ tầng số dùng chung, đô thị thông minh, nông nghiệp thông minh); lộ trình ngân sách hàng năm quy định tỉ lệ chi tối thiểu cho chuyển đổi số từ 2–3%, có cơ chế thu hút nhân tài công nghệ thông tin.

Thứ hai, về hạ tầng số, đây là trụ cột chính của chuyển đổi số, nhằm tạo động lực cho kinh tế số, xã hội số và chính phủ số, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Ở cấp tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với các nhà mạng để mở rộng 4G/5G tới thôn/bản; ưu tiên đầu tư cáp quang đến 100% trung tâm xã, trường, trạm y tế; bảo đảm băng thông cho hệ thống một cửa; hoàn thiện LGSP (Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/cấp tỉnh) kết nối CSDL quốc gia.

Thứ ba, về nhân lực và kỹ năng số, đào tạo 100% cán bộ chủ chốt về kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số để dẫn dắt, thực hiện và đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương; đưa tiêu chí “năng lực số” vào đánh giá cán bộ



giúp cán bộ làm việc hiệu quả hơn và phù hợp với yêu cầu của môi trường số.

Thể chế hóa tổ chuyển đổi số cộng đồng như: Thành lập tổ với cơ cấu thành viên cụ thể, quy định về phương thức hoạt động (hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ, nền tảng số), giao chỉ tiêu và nhiệm vụ (triển khai ứng dụng, kỹ năng số), và xác định rõ mục tiêu (thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số ở cấp cơ sở. Xây dựng chương trình phổ cập kỹ năng số (tiếng Việt/tiếng dân tộc) phù hợp với từng nhóm đối tượng, biên soạn tài liệu và giáo án ngắn gọn, dễ hiểu, tổ chức đào tạo trên nền tảng trực tuyến, ứng dụng AI để cá nhân hóa học tập và kêu gọi sự tham gia của toàn xã hội.

Thứ tư, về nền tảng số: Cần ưu tiên thực hiện theo lĩnh vực:

Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng: Xây dựng nền tảng tài chính điện tử và hiện đại để phát triển các dịch vụ số bền vững.

Lĩnh vực Nông nghiệp: xây dựng dữ liệu nông nghiệp số (mùa vụ, sâu bệnh, giá), IoT tưới tiêu/giám sát, truy xuất nguồn gốc; sàn TMĐT nông sản liên thông sàn quốc gia.

Lĩnh vực Giao thông vận tải và Logistics: Xây dựng hệ thống giao thông, thông minh, quản lý hạ tầng bằng dữ liệu số, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và số hóa thủ tục hành chính.

Lĩnh vực Du lịch: Xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh (VR/AR, app du lịch, bản đồ số, thanh toán vé điện tử); tích hợp nhiều thông tin và dịch vụ du lịch số hóa

nhằm mang đến trải nghiệm du lịch thông minh, bền vững và chuyên nghiệp hơn cho du khách.

Lĩnh vực Y tế – Giáo dục: Hoàn thiện bệnh án điện tử, tư vấn khám bệnh từ xa; nhân rộng phòng học thông minh, thư viện số đa ngôn ngữ.

Lĩnh vực an ninh mạng: Thành lập/thuê SOC cấp tỉnh; đào tạo an toàn thông tin; bắt buộc sao lưu định kỳ, phân quyền dữ liệu; tổ chức diễn tập ứng cứu an toàn an ninh mạng và thực hành các tình huống tấn công thực tế, giúp kiểm tra và nâng cao năng lực ứng phó của đội ngũ.

Huy động nguồn lực và hợp tác PPP (Public – Private Partnership: Hợp tác đối tác công tư) với Viettel/VNPT/FPT/CMC...; khai thác Chương trình mục tiêu quốc gia và Đề án 06; hợp tác liên vùng (Hà Nội, Phú Thọ...) về dữ liệu, đào tạo.

Về công tác đo lường – giám sát: Xây dựng bộ chỉ số đánh giá thường niên (Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, số doanh nghiệp tham gia TMĐT, tỉ trọng kinh tế số...); công khai kết quả thực hiện và tổ chức khen thưởng, phê bình minh bạch.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên tỉnh Sơn La có thể rút ngắn khoảng cách, xây dựng chính quyền số hiện đại, kinh tế số năng động và xã hội số văn minh vào năm 2030./.

Tài liệu tham khảo:

Tài liệu kết quả CDS của các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình; Tài liệu phục vụ hợp/hội nghị. Số liệu được cập nhật theo báo cáo 9 tháng của UBND tỉnh Sơn La./.



KHI “KINH NGHIỆM SỐ” ĐỊNH HÌNH NĂNG LỰC SỐ: CÂU CHUYỆN TỪ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

*Phạm Anh Tuấn
Trường Đại học Tây Bắc*

Tóm Tắt: Nghiên cứu này khám phá tác động của kinh nghiệm công nghệ số và thời gian trực tuyến đến năng lực số của sinh viên đại học khu vực miền núi Việt Nam. Dựa trên khảo sát định lượng với 868 sinh viên tại Trường Đại học Tây Bắc, kết quả cho thấy kinh nghiệm công nghệ số là yếu tố dự báo chính ($\beta > 0,3$; $p < 0,01$), trong khi thời gian trực tuyến chỉ có ảnh hưởng trung bình ($\beta \approx 0,15$; $p < 0,05$) và phụ thuộc vào chất lượng sử dụng. Phân tích theo nhân khẩu học tiết lộ sự khác biệt theo dân tộc, năm học và ngành học, nhưng không đáng kể theo giới tính. Mô hình hồi quy giải thích 25% biến thiên năng lực số ($R^2 \approx 0,25$). Các khuyến nghị nhấn mạnh việc tích hợp đào tạo kỹ năng số vào chương trình học để thu hẹp khoảng cách số.

1. Giới Thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, công nghệ đang tái cấu trúc các quá trình học tập, làm việc và giao tiếp xã hội. Trong lĩnh vực giáo dục, năng lực số - được định nghĩa là khả năng sử dụng công nghệ một cách tự tin, hiệu quả và có trách nhiệm để hỗ trợ học tập, lao động và tương tác xã hội - đã trở thành kỹ năng thiết yếu cho công dân thế kỷ XXI (González-Prida et al., 2024).

Đối với sinh viên khu vực miền núi Việt Nam, nơi cơ sở hạ tầng kỹ thuật số còn hạn chế, việc phát triển năng lực số không chỉ nâng cao chất lượng học tập mà còn góp phần

giảm thiểu khoảng cách số giữa vùng sâu, vùng xa và khu vực đô thị (Zakir et al., 2025). Các chính sách quốc gia về chuyển đổi số giáo dục đã thúc đẩy tiếp cận công nghệ, song vẫn tồn tại những thách thức như kinh tế khó khăn, kết nối Internet không ổn định và chênh lệch kỹ năng (Thuy et al., 2025).

Các nghiên cứu quốc tế nhấn mạnh rằng kinh nghiệm công nghệ số (mức độ thành thạo các công cụ kỹ thuật số) và thời gian trực tuyến là hai yếu tố then chốt ảnh hưởng đến năng lực số (Koyuncuoğlu, 2022; Amin et al., 2025). Tuy nhiên, tại Việt Nam, các phân tích chủ yếu tập trung vào sinh viên đô thị, bỏ qua nhóm sinh viên miền núi với đặc trưng văn hóa-xã hội riêng biệt. Khoảng trống này cản trở việc thiết kế chính sách phù hợp.

Nghiên cứu hiện tại nhằm: (1) Đánh giá mức độ năng lực số của sinh viên miền núi; (2) Phân tích mối quan hệ giữa kinh nghiệm công nghệ số, thời gian trực tuyến và năng lực số; (3) Xem xét sự khác biệt theo các biến nhân khẩu học (giới tính, dân tộc, ngành học, năm học). Kết quả dự kiến cung cấp cơ sở cho các chiến lược nâng cao năng lực số tại các trường đại học vùng cao.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng thiết kế định lượng để đánh giá tác động của kinh nghiệm công nghệ số và thời gian trực tuyến đến năng

lực số. Dữ liệu được thu thập qua khảo sát kết hợp trực tiếp và trực tuyến, xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 26, sử dụng các kỹ thuật thống kê bao gồm tương quan Pearson, hồi quy tuyến tính, ANOVA và t-test (mức ý nghĩa $p < 0,05$).

Mẫu nghiên cứu gồm 868 sinh viên từ Trường Đại học Tây Bắc, được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng để đảm bảo đại diện theo ngành học và năm học. Quy mô mẫu tuân thủ công thức Cochran với sai số 5% và độ tin cậy 95%, đại diện cho khoảng 5.000 sinh viên khu vực miền núi. Đặc điểm mẫu: 305 nam (35,1%), 563 nữ (64,9%); dân tộc Thái (56,2%), Kinh (14,1%), Mông (15,4%), và các dân tộc khác; năm học: năm nhất (31,8%), năm hai (37,6%), năm ba (29,6%), năm tư (1,0%); ngành học: Giáo dục mầm non (28,3%), công nghệ thông tin (6,9%), kinh doanh (5,8%) và các ngành khác.

Bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên khung DigComp của Liên minh Châu Âu và thang đo SDiCoS (Koyuncuoğlu, 2022), điều chỉnh phù hợp với ngữ cảnh Việt Nam. Các phần chính: (1) Thông tin nhân khẩu học; (2) Kinh nghiệm công nghệ số (thang Likert 5 mức); (3) Thời gian trực tuyến (bốn nhóm: <1 giờ, 1–3 giờ, 3–5 giờ, >5 giờ/ngày); (4) Năng lực số (năm lĩnh vực: tìm kiếm/xử lý thông tin, giao tiếp-hợp tác, tạo nội dung, an toàn thông tin, giải quyết vấn đề kỹ thuật số). Độ tin cậy của thang đo đạt Cronbach's $\alpha > 0,8$.

Khảo sát diễn ra từ tháng 7–8/2024, với tỷ lệ phản hồi 95% sau khi loại bỏ phiếu không hợp lệ. Quy trình tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghiên cứu, đảm bảo sự đồng ý tự nguyện, bảo mật và ẩn danh. Phân tích bao gồm thống kê mô tả, tương quan, hồi quy và kiểm định khác biệt, hỗ trợ bởi biểu đồ trực quan.

3. Kết Quả và thảo luận

Phân tích dữ liệu từ 868 sinh viên cho thấy mức năng lực số trung bình, với kinh nghiệm công nghệ số là yếu tố dự báo chính ($\alpha = 0,32$; $p < 0,01$), giải thích sự biến thiên lớn hơn so với thời gian trực tuyến ($\beta = 0,15$; $p < 0,05$). Mô hình hồi quy tuyến tính cho $R^2 \approx 0,25$, chỉ ra rằng hai yếu tố này giải thích 25% biến thiên năng lực số.

Về kinh nghiệm công nghệ số, 71,5% sinh viên ở mức trung bình và 14,9% ở mức cao. Tương quan Pearson giữa kinh nghiệm và năng lực số đạt $r = 0,42$ ($p < 0,01$), phù hợp với các nghiên cứu trước (Koyuncuoğlu, 2022; Thi et al., 2025).

Thời gian trực tuyến: 38,6% sinh viên sử dụng 3–5 giờ/ngày, nhóm này đạt năng lực số cao nhất ($M = 3,8/5$). Tuy nhiên, tác động giảm khi vượt 5 giờ/ngày, phù hợp với Amin et al. (2025). Sinh viên sử dụng Internet cho học tập vượt trội hơn nhóm giải trí ($t(866) = 4,21$; $p < 0,01$).

Phân tích nhân khẩu học: Không có sự khác biệt theo giới tính ($t(866) = 1,12$; $p >$

Bảng 1 tóm tắt các hệ số hồi quy

Biến độc lập	β	SE	t	p
Kinh nghiệm công nghệ số	0,32	0,04	8,00	<0,01
Thời gian trực tuyến	0,15	0,03	5,00	<0,05
R^2 tổng thể	0,25	-	-	-



0,05). Theo dân tộc, sinh viên Thái vượt trội hơn Mông ($F(3,864) = 5,67$; $p < 0,01$). Sinh viên năm hai và ba cao hơn năm nhất ($F(3,864) = 6,23$; $p < 0,01$). Theo ngành học, Công nghệ thông tin dẫn đầu so với Giáo dục mầm non ($F(5,862) = 8,45$; $p < 0,01$).

Kết quả khẳng định kinh nghiệm công nghệ số là yếu tố cốt lõi định hình năng lực số, hỗ trợ các phát hiện quốc tế về vai trò của trải nghiệm thực hành trong chuyển đổi số giáo dục (Thi et al., 2025; Rodafinos et al., 2024). Thời gian trực tuyến chỉ hiệu quả khi định hướng học tập, nhấn mạnh nhu cầu đánh giá chất lượng sử dụng thay vì chỉ thời lượng (Amin et al., 2025).

Sự khác biệt theo dân tộc và năm học phản ánh bất bình đẳng tiếp cận công nghệ, đòi hỏi can thiệp nhắm đến nhóm thiểu số và sinh viên năm đầu (Zakir et al., 2025). Thiếu khác biệt theo giới tính có thể do bối cảnh văn hóa địa phương, trái ngược với một số nghiên cứu toàn cầu (Dimo et al., 2024).

Hạn chế bao gồm: (1) Mẫu giới hạn tại một trường, giảm tính tổng quát hóa; (2) Dữ liệu tự báo cáo có thể bị thiên kiến; (3) Thiếu phân tích định tính về chất lượng kinh nghiệm. Các nghiên cứu tương lai nên mở rộng phạm vi địa lý và kết hợp phương pháp hỗn hợp.

4. Kết luận

Nghiên cứu chứng minh rằng kinh nghiệm công nghệ số đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao năng lực số của sinh viên miền núi, trong khi thời gian trực tuyến cần được quản lý để tối ưu hóa lợi ích. Các khuyến nghị bao gồm: tích hợp đào tạo kỹ năng số vào chương trình học, đầu tư hạ tầng và hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương. Những phát hiện này góp phần vào chiến lược chuyển đổi số giáo dục quốc gia, thúc đẩy bình đẳng học tập tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] González-Prida, V., Cebreiro López, B., Fernández Morante, M. C., & Lamas González, E. (2024). Digital competence as a predictor of academic performance: Correlations and implications for educational development. **Societies**, 14(11), 226.
- [2] Amin, M., Elshora, M. M., et al. (2025). Nursing education in the digital era: The role of digital competence in lifelong learning motivation. **BMC Nursing**, 24(1), 1–12.
- [3] Thi, L. T., Nguyen, T. T., & Le, H. T. (2025). Integrating Coursera online courses into Vietnamese higher education: Balancing opportunities and challenges. **Computer Assisted Language Learning**.
- [4] Koyuncuoğlu, #. (2022). Analysis of university students' digital competence and technology. **International Journal of Education in Mathematics, Science and Technology**, 10(4), 971–988.
- [5] Zakir, M., Hossain, Z., & Nguyen, T. (2025). Bridging the digital divide for sustainable human development: The case of Vietnam. **ResearchGate Publication**.
- [6] Rodafinos, G., Garoufis, C., & Rodafinos, A. (2024). The impact of digital competence and technology acceptance on the academic performance of physical education and sports students. **Journal of Information Technology Education: Research**, 23, Article 019.
- [7] Thuy, N. T. T., Nguyen, T. T. T., & Le, T. T. (2025). Teachers' perspectives on the current state of digital competence development among Vietnamese lower secondary school students. **Data in Brief**, 60, 111507.
- [8] Mardiana, A., & Yakub, A. (2024). Challenges in online teaching and learning for technical and vocational education lecturers. **Journal of Technical Education and Training**.



KHOA HỌC VÀ BẢN SẮC - HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SƠN LA

Nguyễn Vũ Điền

Trong thời đại của công nghệ số và toàn cầu hóa, việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, đời sống là xu hướng tất yếu, là động lực thúc đẩy mọi địa phương phát triển. Tuy nhiên, giữa nhịp chảy hối hả của công nghệ, mỗi vùng đất vẫn cần giữ cho mình một “mạch nguồn” văn hóa - bản sắc. Với Sơn La, bài toán đặt ra không chỉ là làm sao để công nghệ giúp người dân làm giàu, mà còn là để tri thức ấy gìn giữ hồn cốt của núi rừng Tây Bắc, của những giá trị văn hóa được vun đắp qua nhiều thế hệ.

1. Khi khoa học mở đường cho nông thôn vùng cao

Những năm gần đây, Sơn La nổi lên như một “điểm sáng” trong bức tranh phát triển vùng Tây Bắc. Nếu trước đây, nhắc đến Sơn La, người ta thường nghĩ tới những triền núi trập trùng, bản làng heo hút ẩn trong sương mù, những nương ngô chen đá, những con suối quanh co dưới thung sâu thì nay, diện mạo ấy đang đổi thay từng ngày. Từ vùng đất còn nhiều khó khăn, Sơn La đã vươn mình mạnh mẽ, trở thành trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất hàng hóa lớn của miền núi phía Bắc. Hệ thống nhà kính, tưới nhỏ giọt, truy xuất nguồn gốc, số hóa quản lý chuỗi sản xuất - tiêu thụ... đã và đang đi vào đời sống người nông dân ở Mai Sơn, Mộc Châu, Yên Châu, Sông Mã. Những quả

xoài, nhãn, chuối, cà phê, chè của Sơn La giờ đây không chỉ là nông sản, mà là kết tinh của tri thức, của công nghệ và khát vọng vươn lên của con người Tây Bắc.

Từ cao nguyên Mộc Châu đến Mai Sơn, Yên Châu, Sông Mã, Thuận Châu,... đâu đâu cũng xuất hiện những trang trại cà phê và cây ăn quả chất lượng cao với hệ thống tưới nhỏ giọt Israel, nhà màng - nhà lưới, truy xuất nguồn gốc điện tử và quản lý chuỗi bằng công nghệ số.

Theo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La, đến nay địa phương đã hình thành 8 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung, với tổng diện tích hơn 2.000 ha (1). Các mô hình tiêu biểu gồm: Vùng chè Mộc Châu, cà phê Sơn La, xoài Yên Châu, nhãn Sông Mã, mận hậu Thuận Châu và bò sữa Mộc Châu. Việc ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt Israel, nhà màng - nhà lưới, cảm biến môi trường, truy xuất nguồn gốc điện tử... đã giúp năng suất và chất lượng nông sản tăng 20-30%, đồng thời giảm đáng kể chi phí nhân công và phân bón (1). Trong các sản phẩm chủ lực của Sơn La, hiện đã có 21 sản phẩm OCOP đạt 4 sao cấp tỉnh, nhiều sản phẩm đã xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc, EU - những thị trường khó tính về tiêu chuẩn chất lượng (2). Ngoài ra, trong báo cáo kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025 của tỉnh,



Cảnh đẹp như chốn thần tiên ở Nà Bai Campsite. Ảnh Fanpage Nà Bai Campsite - TTDst

diện tích cây ăn quả của Sơn La đã đạt khoảng 73.829 ha; trong đó diện tích cây cà phê đạt khoảng 23.720 ha (3). Hàng trăm hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn, như HTX Nông nghiệp an toàn Chiềng Hặc (Yên Châu), HTX cà phê Bản Vạng (Mai Sơn) hay HTX xoài VietGAP Sông Mã... đang vận hành theo mô hình “nông dân số”: Sử dụng điện thoại thông minh để ghi nhật ký điện tử, kiểm soát chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiếp thị trực tuyến qua các sàn Postmart, Voso (2).

Sự chuyển đổi này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tư duy sản xuất của người nông dân Sơn La - từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn, từ kinh nghiệm truyền thống sang mô hình quản trị bằng dữ liệu. KH&CN đã thực sự “chạm đến ruộng nương”, giúp người nông

dân tiếp cận tri thức mới mà không đánh mất gốc rễ và truyền thống văn hóa lao động cần cù, sáng tạo.

Điều đáng chú ý là, trong hành trình phát triển ấy, Sơn La không tách khoa học khỏi đời sống văn hóa bản địa. Ngược lại, KH&CN được xem như “chiếc cầu” để đưa tri thức hiện đại hòa nhập vào dòng chảy tri thức dân gian. Người nông dân nơi đây vẫn giữ nếp sống truyền thống - làm lễ xuống đồng, cầu mưa, hát khặp, múa xòe; nhưng giờ họ đã biết cùng kỹ sư nông nghiệp dự báo thời tiết, phòng trừ sâu bệnh, tính toán lượng nước tưới hợp lý và kết nối tiêu thụ nông sản qua mạng xã hội.

Trong kỷ nguyên chuyển đổi số và hội nhập, KH&CN trở thành động lực then chốt cho sự thịnh vượng của miền núi, song sự thịnh vượng ấy chỉ bền vững khi được nuôi dưỡng bởi bản sắc văn hóa. Sơn



La - vùng đất đa dân tộc, giàu bản sắc nhưng từng trải qua nhiều gian khó - đang đứng trước một ngã rẽ lớn: liệu công nghệ có thể trở thành phương tiện để tôn vinh và nâng tầm văn hóa bản địa thay vì làm phai nhạt nó? Câu trả lời nằm ở cách mà khoa học được “đưa vào đời sống” - sao cho nó mở đường cho phát triển mà không xóa mất linh hồn bản làng.

Khi công nghệ được ứng dụng bằng sự tôn trọng và thấu hiểu văn hóa, nó không làm “mất hồn” bản làng, mà khiến bản làng tự tin bước ra thế giới. Khi ấy, “xoài Yên Châu”, “chè Mộc Châu”, “cà phê Sơn La”... không chỉ là sản phẩm kinh tế, mà còn là những biểu tượng văn hóa sống động của Tây Bắc - nơi con người vươn lên bằng tri thức nhưng vẫn mang trong mình hơi thở của núi rừng.

2. Giữ hồn bản sắc trong kỷ nguyên số

Phát triển bền vững không chỉ là câu chuyện tăng trưởng kinh tế, mà là hành trình giữ lại gốc rễ văn hóa giữa dòng chảy hiện đại hóa. Sơn La - nơi có hơn mười hai dân tộc anh em cùng sinh sống - là kho tàng phong phú về tri thức bản địa và văn hóa sống động. Từ kinh nghiệm canh tác trên nương bậc thang, chế biến thực phẩm, dệt thổ cẩm đến tín ngưỡng dân gian... - tất cả tạo nên một nền văn minh vùng cao đặc sắc, nơi con người sống thuận theo thiên nhiên, gắn bó với đất trời.

Thế nhưng, trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, nhiều giá trị truyền thống đang đứng trước nguy cơ mai một. Việc số hóa di sản văn hóa - vì thế đã trở thành nhiệm vụ cấp bách. Ngành văn hóa và KH&CN Sơn La đã phối hợp triển khai các dự án như: Số hóa lễ hội, dân ca, nhạc cụ dân tộc; phục dựng nghề truyền thống, ghi

chép và truyền dạy tri thức dân gian. Ở Mộc Châu, du khách có thể tham quan các địa chỉ du lịch bằng công nghệ thực tế ảo (VR), nghe lời hát của dân tộc Thái, dân tộc Mông qua ứng dụng điện thoại. Ở xã Ngọc Chiến, các Nghệ nhân dân gian được hỗ trợ lập hồ sơ di sản phi vật thể, mở lớp truyền nghề thủ công cho thế hệ trẻ...

Một số mô hình du lịch cộng đồng tiêu biểu như bản Lướt xã Ngọc Chiến, bản Áng phường Mộc Sơn, bản Nà Bai xã Vân Hồ ... đã thành công trong việc kết hợp trải nghiệm số với bản sắc truyền thống. Du khách có thể đặt phòng, xem bản đồ, thanh toán trực tuyến, nhưng khi đến nơi vẫn được đắm mình trong không gian nhà sàn, nghe tiếng khèn, xem múa xòe, thưởng thức ẩm thực bản địa - một sự hòa quyện giữa hiện đại và truyền thống đầy tự nhiên.

Điều đó cho thấy: Công nghệ càng hiện đại, con người càng cần níu giữ văn hóa. Văn hóa không chỉ là trang phục hay lễ hội, mà là cách con người ứng xử với thiên nhiên, với cộng đồng, là triết lý sống hài hòa, nhân ái và bền bỉ. Khoa học nếu thiếu văn hóa sẽ trở nên lạnh lẽo; còn văn hóa thiếu khoa học sẽ trì trệ. Chỉ khi hai yếu tố này cùng tồn tại trong thế cân bằng, phát triển mới thực sự có chiều sâu.

Sơn La đang đi đúng hướng khi xác định chiến lược: “Phát triển dựa vào tri thức khoa học, nhưng không đánh đổi bản sắc văn hóa”. Mỗi mô hình sản xuất, mỗi chương trình chuyển đổi số đều được lồng ghép yếu tố văn hóa và bảo vệ môi trường - hướng đến xây dựng một “nền văn minh vùng cao hiện đại” - nơi con người làm chủ công nghệ nhưng vẫn sống trong không gian đậm đà bản sắc dân tộc.

Ngày nay, khi công nghệ có thể thay đổi mọi thứ - từ cách trồng cây đến cách kể



chuyên - thì bản sắc chính là thứ duy nhất không thể sao chép. Sự phát triển bền vững của Sơn La, cũng như của mọi vùng đất khác, không nằm ở việc có bao nhiêu máy móc hay sàn thương mại điện tử, mà ở chỗ con người có còn giữ được linh hồn văn hóa của mình hay không.

Khoa học và công nghệ mở ra con đường mới, nhưng bản sắc mới là ngọn đèn soi sáng để đi đến cùng con đường ấy. Khi khoa học và văn hóa gặp nhau, Sơn La sẽ không chỉ là một tỉnh miền núi phát triển, mà còn là biểu tượng của sự hòa quyện giữa tri thức và hồn thiêng của núi rừng Tây Bắc. Trong dòng chảy đổi thay không ngừng của thời đại số, Sơn La đang khẳng định một con đường riêng: phát triển bằng tri thức, gìn giữ bằng văn hóa.

Những giá trị truyền thống không bị lùi lại phía sau, mà đang được “đánh thức”

bằng ngôn ngữ của công nghệ hiện đại. Khi tri thức khoa học gắn liền với hồn cốt dân tộc, Sơn La không chỉ làm nên những mùa quả ngọt, những sản phẩm mang tầm quốc tế, mà còn góp phần giữ lại sắc màu riêng của núi rừng Tây Bắc - sắc màu của bản sắc, niềm tin và khát vọng vươn lên./.

Tài liệu tham khảo & nguồn tư liệu

- (1) Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La - Báo cáo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 2024.
- (2) Báo Sơn La, chuyên mục Kinh tế - “Sản phẩm OCOP và bước vươn xuất khẩu” tháng 6/2025.
- (3) Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La - “Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025: diện tích cây ăn quả” Page128 tháng 7/2025.
- (4) TrangTraiViet.com - “Sơn La: sản lượng cây ăn quả dự kiến tăng 31% năm 2025”, 2025.

LAN TỎA TRI THỨC VÀ VĂN HOÁ CHIA SẺ QUA MÔ HÌNH KHU VỰC CHO VÀ NHẬN: TIỀM NĂNG TRIỂN KHAI ÁP DỤNG TẠI TỈNH SƠN LA

Nguyễn Hoàng Nam

Ngày 12/11/2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Kế hoạch số 265/KH-UBND nhằm tiếp tục thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc đọc sách, qua đó góp phần phát triển bền vững nguồn nhân lực của tỉnh. Bà Hồ Thị Kim Dung - Phó Giám đốc Thư viện tỉnh Sơn La cho biết, văn hóa đọc đóng vai trò

quan trọng trong việc nâng cao dân trí và phát triển con người, đặc biệt tại các tỉnh miền núi như Sơn La.

Tính đến nay, một số mô hình phù hợp với định hướng của tỉnh về phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đã được triển khai trên địa bàn tỉnh Sơn La, như mô hình Xe thư viện đa phương tiện lưu động năm 2016 hay mô hình Thư viện xanh năm 2022 tại các cơ sở giáo dục đã góp phần phát triển văn hóa đọc trong môi trường học đường.



Cách bày trí vật phẩm bên trong của Khu vực cho và nhận tại Aeon Mall Tân Phú

Tuy vậy, tỉnh Sơn La chưa có mô hình nào phát triển tại các siêu thị hay trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là kết hợp giữa văn hoá đọc và văn hoá chia sẻ trong cộng đồng.

Mang nhiều ý nghĩa hơn hoạt động cho và nhận thông thường, mô hình tại AEON này là sự kết hợp giữa 2 mục tiêu lan toả tri thức qua thói quen đọc sách và truyền tải thông điệp nhân văn về văn hoá chia sẻ. Đây là một trong những dự án hoạt động vì cộng đồng được tổ chức thí điểm và vận hành từ năm 2022 tại Aeon Mall Tân Phú Celadon (Thành phố Hồ Chí Minh).

Độc đáo mô hình khu vực cho và nhận tại AEON

Khu vực cho và nhận là nơi trao gửi, chia sẻ yêu thương với nhau thông qua hoạt động cho và nhận các vật phẩm thiết yếu.

Về thiết kế, nơi để vật phẩm được thiết kế kiểu giá sách nhằm tiết kiệm không gian chung. Ngoài các vật phẩm thông dụng như: sách vở, từ điển, cặp sách, túi xách, gấu bông, ốp lưng, cà mên (cà mèn),... khu vực cho và nhận treo dựng 1 dãy quần áo để các cá nhân có thể tự do lựa chọn. Về ánh sáng, độ sáng được thiết kế vừa vặn để chiếu sáng khắp phòng với cường độ nhẹ, không gây chói mắt khách hàng. Về việc liên lạc để thực hiện các hoạt động cho và nhận cũng khá đơn giản. Bất kể khách hàng nào có nhu cầu cho và nhận sách hoặc quần áo chỉ cần cung cấp thông tin khách hàng về món đồ cho hoặc nhận, nhân viên AEON tại quầy thông tin sẽ tiếp nhận thông tin và vật phẩm.

Hiện nay, theo quy định hiện hành tại AEON, đối với hoạt động cho, khi muốn cho sản phẩm, khách hàng cần liên hệ với



*Hướng dẫn sử dụng Phòng cho và nhận tại
Aeon Mall Tân Phú*

Quầy thông tin để đăng ký thông tin cá nhân và thực hiện gửi vật dụng. Đối với hoạt động nhận, mỗi khách hàng chỉ lấy tối đa 1 sản phẩm tại tủ vật dụng cá nhân khi thực sự cần thiết. Riêng đối với sách, khách hàng được khuyến nghị để sách lại đúng vị trí cũ sau khi đọc xong.

Lan toả văn hoá đọc trong cộng đồng

Phát triển văn hóa đọc được xem là chiến lược quan trọng trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế tại nhiều quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Ấn Độ, Cộng hòa liên bang Đức và Israel (Ngà và Dung, 2022). Ở Việt Nam, trên cơ sở của Quyết định số 284/QĐ-TTg, Quyết định số 329/QĐ-TTg và Quyết định số 1862/QĐ-TTg, ngày 21/04 hàng năm được quy định

là ngày tổ chức “Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam” nhằm lan tỏa vai trò và tầm quan trọng của sách đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân, trong đó tạo dựng môi trường đọc thuận lợi trong cộng đồng là một trong những mục tiêu quan trọng.

Để chung tay trong việc thực hiện mục tiêu phát triển văn hoá đọc, AEON triển khai mô hình khu vực cho và nhận tương tự như mô hình tủ sách, thư viện công cộng tại Thụy Sĩ, Malaysia hay mô hình đường sách hiện nay dưới hình thức thu nhỏ. Khu vực cho và nhận tạo dựng một khu vực đọc sách ngay tại trung tâm thương mại. Trong đó, không gian đọc sách giữa trung tâm thương mại được xem là một mô hình khuyến đọc của AEON. Với diện tích khoảng 6m2, đủ không gian cho 2 - 3 người trải nghiệm đọc sách ngay trong phòng.

Thông điệp về văn hoá chia sẻ

Ngoài mục tiêu nâng cao chất lượng đời sống vật chất, việc nuôi dưỡng những giá trị đạo đức "lá lành đùm lá rách" cũng cần được khuyến khích và tạo điều kiện phát triển. Khu vực cho và nhận hoạt động dựa trên nguyên tắc tự do, không có người kiểm tra, giám sát. Bảng hướng dẫn sử dụng phòng cho và nhận tại khu vực AEON, các hoạt động cho, nhận và đọc sách đều được quy định cụ thể và dán công khai phía trong phòng.

Năm 2022, trong nội dung của Quyết định số 569/QĐ-TTg về chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Thủ tướng chính phủ khuyến khích áp dụng các mô hình kinh doanh mới, mô hình đổi mới sáng tạo trong các hoạt động sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, quản lý xã hội và đời sống. Nhìn



chung, mô hình khu vực cho và nhận vừa mang giá trị trong việc nâng cao tinh thần yêu thương chia sẻ quý báu ngàn đời của dân tộc ta, trong đó chú trọng kết hợp lan toả văn hoá đọc sách, vừa được xem là một trong những phương pháp để chữa chứng bệnh vô cảm của giới trẻ nói riêng và xã hội nói chung. Bên cạnh mỗi hoạt động cho vật phẩm, AEON đều có chính sách trao Thư cảm ơn cho những khách hàng hoặc mạnh thường quân, như một cách ghi nhận, khen thưởng cho hành động ý nghĩa, thiết thực đối với cộng đồng chung.

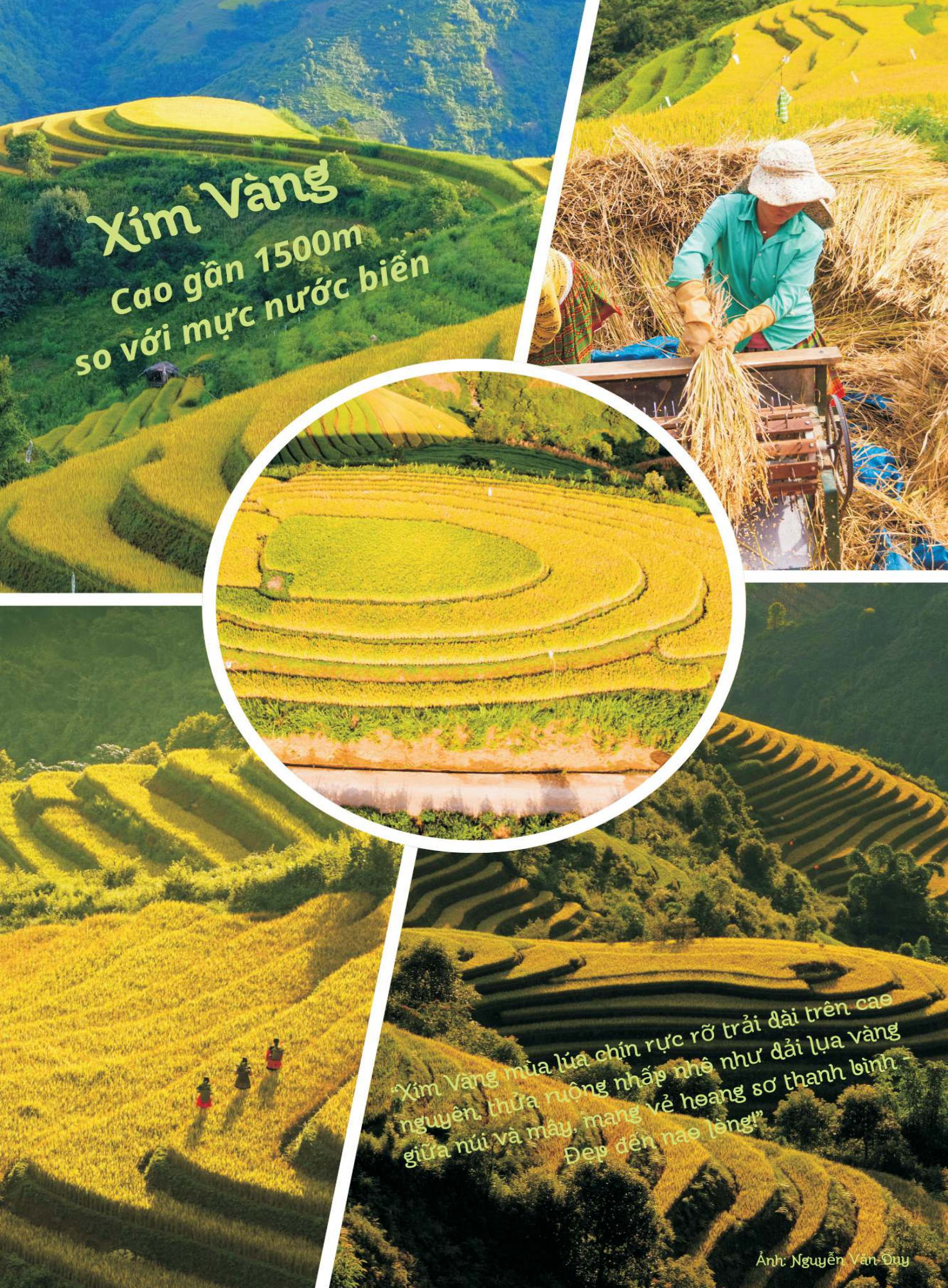
Một số lưu ý khi triển khai áp dụng mô hình trên địa bàn tỉnh

Với ý nghĩa mà mô hình khu vực cho và nhận mang lại, các siêu thị hoặc trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh như Trung tâm thương mại Vincom Plaza Sơn La, Siêu thị Vinmart Sơn La, Siêu thị Mường Thanh Mộc Châu (MT Mart),... có thể xem xét triển khai trong thời gian tới để đưa mô hình này nhân rộng ở nước ta, mang đến nhiều lợi ích cho cộng đồng. Tuy nhiên, có ba điều cần lưu ý trước khi thiết lập khu vực cho và nhận: Đầu tiên là cách trang trí, hình ảnh, màu sắc và hình khối trong trang trí nên gần gũi, tự nhiên, không quá chói mắt và quan trọng là thể hiện được thông điệp về văn hoá chia sẻ; thứ hai là cách bày trí, làm thế nào để không gian đọc không chiếm quá nhiều diện tích nhưng vẫn thoải mái cho người đọc; thứ ba là vị trí, thông thường người đọc sách hay kể cả người cho và nhận không thích nơi quá nóng nực, ồn ào. Vì thế, khu vực cho và nhận nên được lựa chọn đặt ở một không gian vừa đủ riêng tư nhưng vẫn phải dễ dàng nhìn thấy.

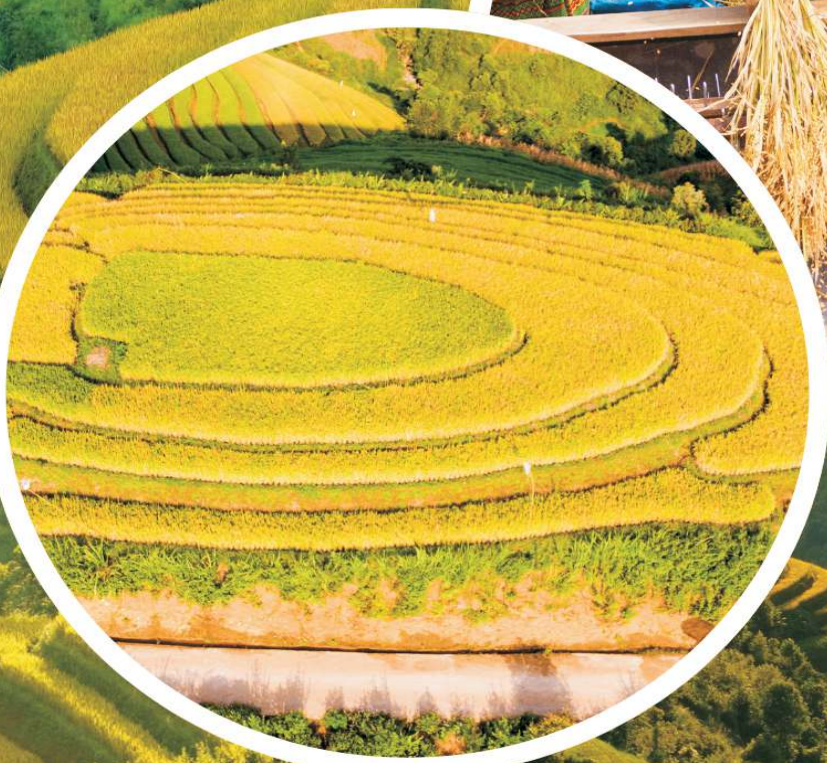
Đồng thời, tham khảo ứng dụng đăng ký thông tin cho và nhận trực tiếp qua phần mềm tích hợp trên thiết bị di động (Apps) trước khi khách hàng mang vật phẩm đến cho hoặc nhận để tránh mất thời gian, thuận tiện cho công tác nhập dữ liệu và có thêm thời gian để chuẩn bị thư cảm ơn (nếu có) được chỉnh chu hơn. Về lâu dài, hoạt động triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu để thúc đẩy đổi mới sáng tạo cũng phù hợp với kế hoạch số 210/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đặt ra nhằm thực hiện chiến lược phát triển dữ liệu số quốc gia./.

Tài liệu tham khảo

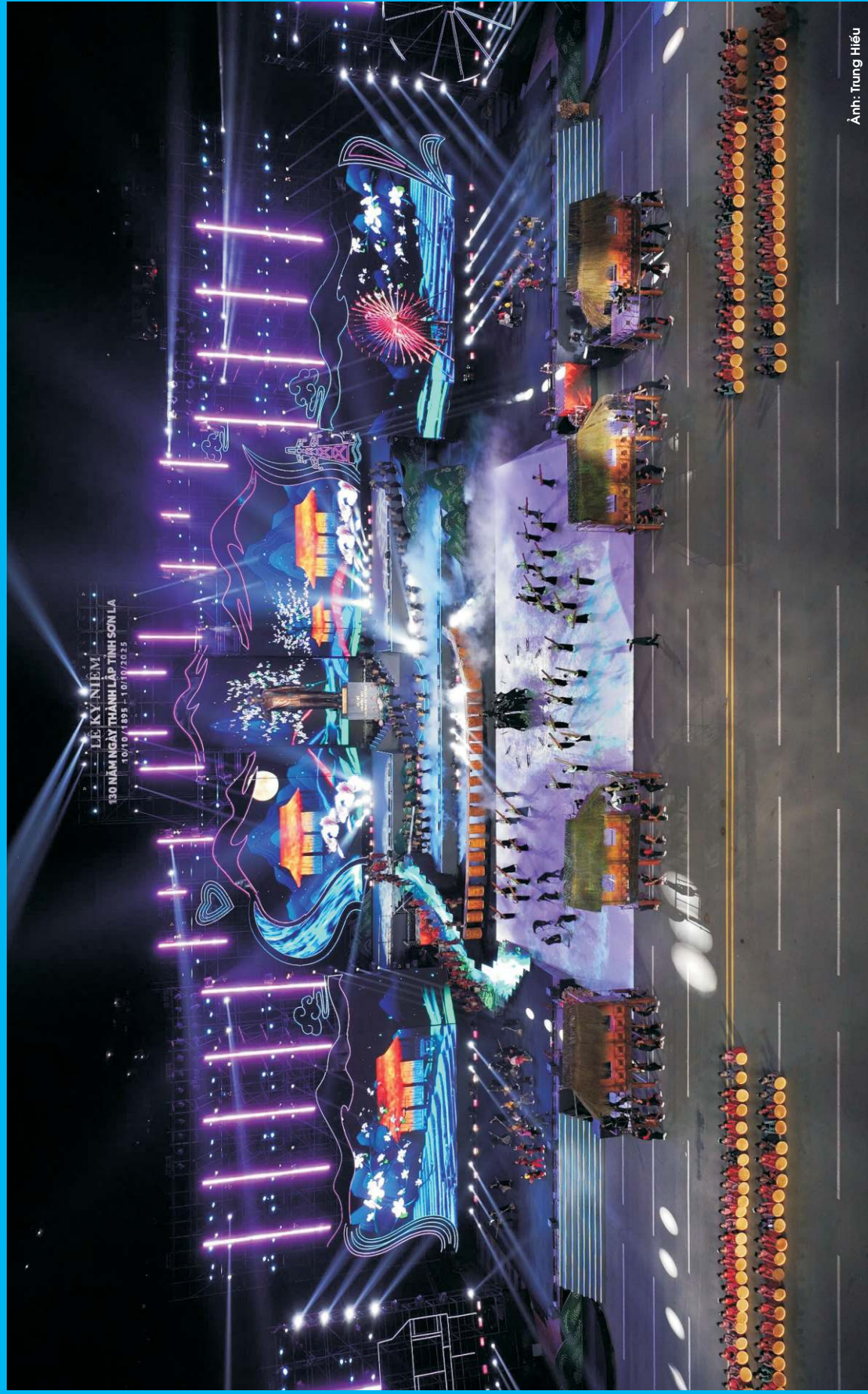
1. Quyết định số 284/QĐ-TTg ban hành ngày 24/02/2014 về ngày sách Việt Nam.
2. Quyết định số 329/QĐ-TTg ban hành ngày 15/03/2017 về phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
3. Quyết định số 1862/QĐ-TTg ban hành ngày 04/11/2021 về việc tổ chức Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam.
4. Kế hoạch số 265/KH-UBND của UBND tỉnh Sơn La ban hành ngày 12/11/2021 về tiếp tục triển khai “Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Sơn La.
5. Kế hoạch số 210/KH-UBND của UBND tỉnh Sơn La ban hành ngày 08/10/2024 về triển khai thực hiện chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.
6. Vũ Dương Thúy Nga và Đoàn Quỳnh Dung (2022). “Chiến lược phát triển văn hóa đọc ở một số quốc gia trên thế giới và bài học đối với Việt Nam”. http://vuthuvien.bvhttdl.gov.vn/chien-luoc-phat-trien-van-hoa-doc-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-va-bai-hoc-doi-voi-viet-nam/#_ftn1./.



Xim Vàng
Cao gần 1500m
so với mực nước biển



"Xim Vàng mùa lúa chín rực rỡ trải dài trên cao
nguyên, thửa ruộng nhấp nhô như dải lụa vàng
giữa núi và mây, mang vẻ hoang sơ thanh bình -
Đẹp đến nao lòng!"



Ảnh: Trung Hiếu

Tối 10/10, tại Quảng trường Tây Bắc, Tỉnh ủy, HĐND, UBND, ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 130 năm Ngày thành lập tỉnh Sơn La (10/10/1895-10/10/2025).